



# SỔ TAY VĂN BẢN PHÁP LUẬT

## SỐ 24

Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC

Năm 2014 – Tập I

### Nội dung

	<i>Trang</i>
<b>Phần I. Những nội dung cần lưu ý về thuế, hóa đơn chứng từ trong 6 tháng cuối năm 2014</b>	03
<b>Phần II. Tóm lược các văn bản pháp quy đã ban hành trong 6 tháng đầu năm 2014</b>	
1. Thuế GTGT	05
2. Thuế TNDN	15
3. Thuế TNCN	18
4. Các loại thuế khác, phí và lệ phí	20
5. Quản lý thuế	22
6. Xuất nhập khẩu	24
7. Kế toán - tài chính	27
8. Lao động, tiền lương	27
9. Ngân hàng	31
10. Các quy định khác	34
<b>Phần III. Tỷ giá tham khảo trong hạch toán kế toán</b>	
1. Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD từ tháng 01/2014 đến tháng 06/2014	42
2. Tỷ giá tính chéo giữa VND với một số ngoại tệ tại ngày 30/06/2014	43

*Sổ tay này chỉ có giá trị thông tin và tổng hợp. Trong trường hợp áp dụng cụ thể bạn đọc phải căn cứ vào nội dung toàn văn của các văn bản pháp luật tương ứng hoặc sự hướng dẫn của các chuyên gia tư vấn của AAC*

**Viết tắt**

CP

*Chính phủ*

TTCP

*Thủ tướng Chính phủ*

BTC

*Bộ Tài chính*

BCT

*Bộ Công thương*

BLĐTBXH

*Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội*

NHNN

*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*

TCT

*Tổng Cục thuế*

Thuế GTGT

*Thuế Giá trị gia tăng*

Thuế TNDN

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế TNCN

*Thuế thu nhập cá nhân*

NĐ

*Nghị định*

TT

*Thông tư*

QĐ

*Quyết định*

CV

*Công văn*

**PHẦN I. NHỮNG NỘI DUNG LƯU Ý VỀ THUẾ, HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2014**

**THUẾ**

1. Hướng dẫn mới về thuế nhà thầu: Ngày 06/08/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 103/2014/TT-BTC hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh và có thu nhập tại Việt Nam.

So với quy định cũ thì Thông tư 103/2014/TT-BTC còn một số điểm mới đáng lưu ý sau:

*Về đối tượng áp dụng:*

- Bổ sung thu nhập chịu thuế từ thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh phân phối hàng hóa, cung cấp dịch vụ tại Việt Nam trong đó tổ chức, cá nhân nước ngoài vẫn là chủ sở hữu đối với hàng hóa giao cho tổ chức Việt Nam hoặc chịu trách nhiệm về chi phí phân phối, quảng cáo, tiếp thị, chất lượng dịch vụ, chất lượng hàng hóa giao cho tổ chức Việt Nam hoặc ấn định giá bán hàng hóa hoặc giá cung ứng dịch vụ; bao gồm cả trường hợp ủy quyền hoặc thuê một số tổ chức Việt Nam thực hiện một phần dịch vụ phân phối, dịch vụ khác liên quan đến việc bán hàng hóa tại Việt Nam.
- Bổ sung thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia hợp đồng kinh tế/dự án tại Việt Nam, chuyển nhượng quyền tài sản tại Việt Nam.
- Bổ sung thu nhập chịu thuế từ ngoài thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, phân phối tại thị trường Việt Nam, mua hàng hóa để xuất khẩu, bán hàng hóa cho thương nhân Việt Nam theo pháp luật về thương mại.

*Về đối tượng không áp dụng:*

- Trường hợp giao hàng tại cửa khẩu nước ngoài, giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam, kể cả trường hợp giao hàng tại cửa khẩu nước ngoài có kèm điều khoản bảo hành là trách nhiệm và nghĩa vụ của người bán.
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng kho ngoại quan, cảng nội địa (ICD) làm kho hàng hóa để phục vụ cho hoạt động vận tải quốc tế, quá cảnh, chuyển khẩu, lưu trữ hàng hoặc để cho doanh nghiệp khác gia công.
- Tỷ lệ thuế TNDN 1% trên doanh thu tính thuế được áp dụng đối với việc cung cấp hàng hóa theo tất cả các điều kiện giao hàng của Incoterms (quy định cũ chỉ áp dụng với các điều kiện DDP, DAT, DAP)

Cách tính số thuế GTGT phải nộp dựa trên giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư 60/2012/TT-BTC đã được thay đổi thành tính dựa trên Doanh thu tính thuế GTGT, cụ thể như sau:

- Số thuế GTGT phải nộp = Doanh thu tính thuế Giá trị gia tăng x Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu
- Trong đó, tỷ lệ % để tính thuế GTGT được quy định cụ thể từ 2-5% tùy ngành kinh doanh.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2014.

2. Hướng dẫn mới về Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Ngày 18/6/2014, Bộ Tài chính vừa mới ban hành Thông tư 78/2014/TT-BTC (“Thông tư 78”) hướng dẫn Nghị định 218/2013/NĐ-CP (“Nghị định 218”) quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Thông tư 78 có hiệu lực từ ngày 02/8/2014 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014 trở đi.

Theo đó, một số nội dung sửa đổi, bổ sung quan trọng của Thông tư 78 như sau:

*Thuế suất*

- Thuế suất thuế TNDN phổ thông áp dụng từ ngày 01/01/2014 là 22% và từ ngày 01/01/2016 là 20%.
- Đối với DN có tổng doanh thu năm trước liền kề dưới 20 tỷ thì thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20%. Nếu năm trước đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh chưa đủ 12 tháng, tính bình quân doanh thu một tháng không vượt 1.67 tỷ thì áp dụng thuế suất thuế TNDN 20%.
- Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải hạch toán riêng để kê khai nộp thuế TNDN với mức thuế suất 22% (từ 01/01/2016 là 20%).

*Xử lý lãi, lỗ trong hoạt động chuyển nhượng bất động sản*

- Doanh nghiệp được bù trừ lỗ trong chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia thực hiện dự án đầu tư (trừ dự án thăm dò, khai thác khoáng sản) với lãi của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ tính thuế.
- Doanh nghiệp phải chuyển số lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia thực hiện dự án đầu tư (trừ dự án thăm dò, khai thác khoáng sản) của các năm 2013 trở về trước còn trong thời hạn chuyển lỗ vào thu nhập của hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia thực hiện dự án đầu tư, nếu chuyển không hết thì được chuyển vào thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm cả thu nhập khác) từ năm 2014 trở đi.

*Chi phí được trừ và không được trừ*

- Thông tư 78 tiếp tục khẳng định điều kiện đối với hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần từ 20 triệu đồng trở lên (đã bao gồm VAT) phải thanh toán không dùng tiền mặt để được tính vào chi phí được trừ. Trường hợp hóa đơn này đã hạch toán vào chi phí tính thuế nhưng sau đó không thanh toán theo đúng điều kiện thì phải kê khai điều chỉnh giảm chi phí tính thuế. Đối với các hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ đã thanh toán bằng tiền mặt phát sinh trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không phải điều chỉnh lại theo quy định nêu trên.
- Bên cạnh đó, doanh nghiệp được chi tối đa 01 triệu đồng/tháng/người để trích nộp Quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ an sinh xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động; đồng thời phải ghi rõ điều kiện hưởng trong HĐLĐ, TƯLĐTT... và DN phải thực hiện đầy đủ bảo hiểm bắt buộc trước đó.
- Một số khoản chi không được trừ khi tính thu nhập chịu thuế như chi mua thẻ hội viên sân golf, chi phí chơi golf, các khoản chi liên quan đến phát hành cổ phiếu (trừ cổ phiếu thuộc loại nợ phải trả), cổ tức, tăng giảm vốn chủ sở hữu. Đồng thời, Thông tư 78 cũng bổ sung thêm một số khoản chi phí được trừ như các khoản chi thực hiện nhiệm vụ Quốc phòng an ninh; Chi hỗ trợ tổ chức Đảng, tổ chức chính trị xã hội trong doanh nghiệp.

*Ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư mới*

- Thông tư 78 quy định chi tiết danh mục các dự án được xem là dự án đầu tư mới để được hưởng ưu đãi thuế. Theo đó, dự án đầu tư mới theo quy định tại Điều 15, Điều 16 của Nghị định 218 là dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư lần thứ nhất từ ngày 01/01/2014 và phát sinh doanh thu của dự án đó từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.
- Dự án đầu tư đã được cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trước ngày 01/01/2014 nhưng đang trong quá trình đầu tư, chưa đi vào hoạt động, chưa phát sinh doanh thu và được cấp Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh từ ngày 01/01/2014 của dự án đó cũng được xem là dự án đầu tư mới.

*Ưu đãi thuế đối với đầu tư mở rộng*

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư mà tính đến hết kỳ tính thuế năm 2013 còn đang trong thời gian thuộc diện được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thì (i) tiếp tục được hưởng cho thời gian còn lại hoặc (ii) ưu đãi theo quy định của Nghị định số 218 nếu đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế theo quy định của Nghị định này. Dự án đầu tư mở rộng được lựa chọn chuyển đổi ưu đãi theo quy định tại Thông tư 78 là dự án đầu tư mở rộng triển khai từ ngày 31/12/2008 trở về trước và các dự án này đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2009 trở về trước.
- Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mở rộng trước thời điểm ngày 01/01/2014 và đưa dự án đầu tư mở rộng vào hoạt động sản xuất kinh doanh, phát sinh doanh thu kể từ ngày 01/01/2014 nếu dự án đầu tư mở rộng này thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 218 thì được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại theo hướng dẫn tại Thông tư này.

**HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ**

1. Hướng dẫn mới về hóa đơn bán hàng, cung cấp dịch vụ: Ngày 31/03/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 hướng dẫn về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Một số điểm mới đáng chú ý của Thông tư như sau:

*Bãi bỏ quy định về hóa đơn xuất khẩu:*

- Từ ngày 01/6/2014, cơ quan thuế không tiếp nhận thông báo phát hành hóa đơn xuất khẩu. Do đó, khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ ra nước ngoài, doanh nghiệp sử dụng hóa đơn GTGT (trường hợp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ) và hóa đơn bán hàng (trường hợp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp).
- Trường hợp sử dụng chưa hết các số hóa đơn xuất khẩu đã đặt in và thông báo phát hành theo hướng dẫn trước đây nhưng doanh nghiệp vẫn có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì đăng ký số lượng hóa đơn xuất khẩu còn tồn và gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 31/7/2014.

*Đối tượng được tự in hóa đơn:*

- Doanh nghiệp đang hoạt động phải có mức vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng trở lên tính theo số vốn đã thực góp đến thời điểm thông báo phát hành hóa đơn. Doanh nghiệp có mức vốn điều lệ dưới 15 tỷ đồng được sử dụng số hóa đơn đã có thông báo phát hành còn lại, sau ngày này thì phải mua hóa đơn của cơ quan Thuế.
- Doanh nghiệp thành lập sau ngày 01/6/2014 và có vốn điều lệ dưới 15 tỷ muốn tự in hóa đơn thì phải có thực hiện đầu tư mua sắm tài sản cố định, máy móc, thiết bị có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên ghi trên hóa đơn mua tài sản cố định, máy móc, thiết bị tại thời điểm thông báo phát hành hóa đơn.

Đối tượng được cơ quan thuế bán hóa đơn: Bổ sung các đối tượng sau đây:

- Cá nhân kinh doanh;

- Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp theo tỷ lệ % nhân với doanh thu;
- Doanh nghiệp đang sử dụng hóa đơn tự in, đặt in thuộc loại rủi ro cao về thuế;
- Doanh nghiệp đang sử dụng hóa đơn tự in, đặt in có hành vi vi phạm về hóa đơn bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

*Hóa đơn được in từ máy tính tiền:* Bổ sung quy định về hóa đơn in trực tiếp từ máy in tiền. Theo đó, hóa đơn in từ máy in tiền phải có đầy đủ các chỉ tiêu cơ bản của hóa đơn thông thường. Doanh nghiệp sử dụng máy tính tiền khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ phải gửi Thông báo phát hành hóa đơn kèm theo hóa đơn mẫu đến cơ quan thuế quản lý, không phải đăng ký trước số lượng phát hành.

*Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn:* Doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp sử dụng hóa đơn tự in, đặt in có hành vi vi phạm không được sử dụng hóa đơn tự in, đặt in, doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế thuộc diện mua hóa đơn của cơ quan thuế phải báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo tháng. Các trường hợp khác nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo quý.

**2. Xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn:** Ngày 17 tháng 01 năm 2014 Bộ Tài Chính ban hành thông tư số 10/2014/TT-BTC hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn.

Theo đó, mức phạt đối với hành vi không khai báo đúng quy định việc mất hóa đơn trước khi thông báo phát hành được hướng dẫn cụ thể như sau:

Không xử phạt nếu khai báo với cơ quan thuế trong vòng 5 ngày kể từ ngày xảy ra việc mất, cháy, hỏng hoá đơn.

Phạt cảnh cáo nếu khai báo với cơ quan thuế từ ngày thứ 6 đến hết ngày thứ 10 kể từ ngày xảy ra việc mất, cháy, hỏng hoá đơn và có tình tiết giảm nhẹ; trường hợp không có tình tiết giảm nhẹ thì xử phạt 6 triệu đồng. Trường hợp người mua tìm lại được hoá đơn đã mất và báo cáo lại với cơ quan thuế trước khi cơ quan thuế ban hành quyết định xử phạt thì người mua không bị phạt tiền.

Phạt tiền từ 6 – 18 triệu đồng nếu khai báo với cơ quan thuế sau ngày thứ 10 kể từ ngày xảy ra việc mất, cháy, hỏng hoá đơn.

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa đơn là 01 năm. Đối với hành vi vi phạm hành chính về hoá đơn dẫn đến trốn thuế, gian lận thuế, nộp chậm tiền thuế, khai thiếu nghĩa vụ thuế thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về thuế là 5 năm.

Cũng theo Thông tư, các nội dung quy định bắt buộc phải đúng trên hoá đơn tự in, hoá đơn điện tử là ký hiệu hoá đơn, ký hiệu mẫu hoá đơn, số hoá đơn. Phạt tiền từ 2 - 4 triệu đồng đối với hành vi tự in hoá đơn, khởi tạo hoá đơn điện tử không đủ một trong các nội dung bắt buộc phải đúng như trên.

Phạt tiền từ 4 – 8 triệu đồng đối với một trong các hành vi: Tự in hoá đơn hoặc khởi tạo hóa đơn điện tử khi không đủ các điều kiện quy định; Cung cấp phần mềm tự in hoá đơn không đảm bảo nguyên tắc theo quy định hoặc hoá đơn khi in ra không đáp ứng đủ nội dung quy định.

Đối với hành vi đặt in hóa đơn mà không ký hợp đồng in bằng văn bản, phạt tiền từ 2 – 4 triệu đồng đối với cả bên đặt in và bên nhận in hoá đơn.

Bên cạnh đó, phạt tiền từ 2 – 4 triệu đồng đối với hành vi không hủy hóa đơn được mua đã hết hạn sử dụng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 3 năm 2014.

**PHẦN II. TÓM LƯỢC CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY ĐÃ BAN HÀNH TRONG 6 ĐẦU NĂM 2014**

**THUẾ GTGT**

1. **Hoàn thuế GTGT đối với doanh nghiệp chế xuất khi thực hiện quyền nhập khẩu:** Trường hợp Công ty là doanh nghiệp chế xuất, theo quy định về thuế GTGT là đối tượng không chịu thuế GTGT, thực hiện quyền nhập khẩu hàng hóa (là các linh kiện, nguyên liệu) vào Việt Nam nhưng chủ yếu là để bán cho các doanh nghiệp chế xuất khác, để xuất khẩu tại chỗ hoặc xuất khẩu ra nước ngoài, Công ty chưa phát sinh hoạt động bán vào nội địa, không kê khai với cơ quan thuế nội địa về việc nhập khẩu hàng hóa để bán cho doanh nghiệp chế xuất khác hoặc để xuất khẩu. Do đó, cơ quan thuế không có cơ sở để thực hiện hoàn thuế GTGT khâu nhập khẩu cho Công ty (**CV số 2436/TCT-KK ngày 27/06/2014**)

2. **Hoàn thuế GTGT:** Trường hợp người nộp thuế đã kê khai vào chỉ tiêu đề nghị hoàn thuế ([42]) trên tờ khai thuế GTGT khấu trừ, sau đó người nộp thuế lập hồ sơ khai bổ sung chuyển số thuế GTGT đã kê khai đề nghị hoàn thuế sang chỉ tiêu thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]) để khấu trừ tiếp thì:

Nếu người nộp thuế chưa làm hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT gửi cơ quan thuế thì trường hợp khai bổ sung này được chấp nhận.

Nếu người nộp thuế đã làm hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT gửi cơ quan thuế, cơ quan thuế đã có thông báo chuyển hồ sơ sang kiểm tra trước, hoàn thuế sau nhưng chưa ban hành quyết định kiểm tra, thanh tra thì người

nộp thuế phải có văn bản đề nghị cơ quan thuế không tiếp tục giải quyết hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT nêu trên trước khi thực hiện khai điều chỉnh, bổ sung.

Đối với các trường hợp nêu trên, cơ quan thuế phải kiểm tra tờ khai thuế GTGT để đảm bảo số thuế đề nghị hoàn nay điều chỉnh sang khẩu trừ tiếp đáp ứng đầy đủ các điều kiện khấu trừ theo quy định.

Trường hợp người nộp thuế đã kê khai vào chỉ tiêu [42] và đã lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT, cơ quan thuế đã có thông báo chuyển hồ sơ sang kiểm tra trước, hoàn thuế sau và cơ quan thuế đã tiến hành kiểm tra hoặc thanh tra nhưng phát hiện có một phần số thuế đề nghị hoàn không đủ điều kiện hoàn thuế do chưa có chứng từ thanh toán thì cơ quan thuế phải ra quyết định xử lý không chấp nhận cho khấu trừ thuế đối với các hóa đơn GTGT không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng. Sau khi có quyết định xử lý của cơ quan thuế, người nộp thuế mới có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì:

Đối với các hóa đơn GTGT người nộp thuế đã điều chỉnh giảm trước khi cơ quan thuế đến thanh tra, kiểm tra thì cơ sở kinh doanh được khai bổ sung thuế GTGT.

Đối với các hóa đơn GTGT người nộp thuế đã không điều chỉnh giảm trước khi cơ quan thuế đến thanh tra, kiểm tra thì người nộp thuế được khai bổ sung nếu có chứng từ thanh toán qua ngân hàng trong thời hạn 6 tháng kể từ tháng có Quyết định xử lý của cơ quan thuế.

Trường hợp hoàn thuế xuất khẩu, khi cơ quan thuế tiến hành kiểm tra, thanh tra nhưng phát hiện có một phần số thuế GTGT đề nghị hoàn không đủ điều kiện hoàn thuế do chứng từ thanh toán không hợp lệ, phần còn lại có chứng từ thanh toán hợp lệ thì được hoàn thuế nhưng số thuế còn lại không đủ điều kiện để xét hoàn thuế GTGT trường hợp xuất khẩu thì số thuế GTGT có chứng từ thanh toán và đáp ứng đầy đủ các điều kiện khấu trừ được điều chỉnh sang khẩu trừ tiếp **(CV số 2407/TCT-KK ngày 25/06/2014)**.

3. **Xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp mất hóa đơn:** Trường hợp người bán tìm lại được hoá đơn đã mất (liên giao cho khách hàng) khi cơ quan thuế chưa ban hành quyết định xử phạt thì người bán không bị phạt tiền.

Trường hợp người bán làm mất, cháy, hỏng các liên hoá đơn đã lập sai và đã xoá bỏ (người bán đã lập hoá đơn khác thay thế cho các hoá đơn đã lập sai và đã xoá bỏ) thì người bán bị phạt cảnh cáo.

Trường hợp trong cùng một thời điểm, tổ chức, cá nhân thông báo mất nhiều số hoá đơn cho cơ quan thuế nhưng cơ quan thuế đủ căn cứ xác định tổ chức, cá nhân gộp nhiều lần mất hoá đơn để báo cáo cơ quan thuế thì xử phạt theo từng lần mất hoá đơn.

Trường hợp mất, cháy, hỏng hoá đơn đã lập (liên giao cho khách hàng) có liên quan đến bên thứ ba, bên thứ ba do người bán thuê thì xử phạt người bán theo quy định tại điểm này **(CV số 2376/TCT-CS/TCT-KK ngày 24/06/2014)**.

4. **Kê khai và hoàn thuế GTGT:** Trường hợp Công ty có dự án đầu tư ở địa bàn khác nơi đóng trụ sở chính; nếu dự án chưa đi vào hoạt động, chưa phát sinh doanh thu thì công ty thực hiện kê khai riêng thuế GTGT đầu vào của dự án tại trụ sở chính và được hoàn thuế GTGT cho dự án theo quy định.

Khi dự án hoàn thành, đồng thời hoàn tất các thủ tục về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thì công ty phải tổng hợp số thuế GTGT phát sinh, số thuế GTGT đã hoàn, số thuế GTGT chưa được hoàn của dự án để bàn giao cho doanh nghiệp mới thành lập để doanh nghiệp mới thực hiện kê khai, nộp thuế và đề nghị hoàn thuế GTGT theo quy định với cơ quan thuế quản lý trực tiếp **(CV số 2361/TCT-KK ngày 23/6/2014)**.

5. **Hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu bị trả lại:** - Nếu Công ty không chứng minh được lô hàng bị trả lại đã thực tái xuất thì Công ty chỉ được khấu trừ và hoàn thuế GTGT đối với thuế GTGT đã nộp tại khâu nhập khẩu khi tái nhập và không được hoàn thuế đối với số thuế GTGT đã bị cơ quan thuế thu hồi do hàng hóa xuất khẩu bị trả lại.

Nếu Công ty lập thủ tục đúng quy định tại Điều 51 Thông tư số 194/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính và chứng minh được lô hàng bị trả lại đã thực tái xuất thì cơ quan thuế sẽ hoàn thuế GTGT theo quy định (gồm thuế GTGT đã nộp cho Hải quan khi nhập khẩu và tiền thuế GTGT do cơ quan thuế thu hồi tiền hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu bị trả lại) **(CV số 2354/TCT-KK ngày 23/6/2014)**.

6. **Thuế GTGT đối với doanh nghiệp chế xuất:** Doanh nghiệp chế xuất được cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa tại Việt Nam phải thành lập chi nhánh riêng nằm ngoài doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất để thực hiện hoạt động này. Chi nhánh sử dụng hóa đơn kê khai và nộp thuế như đối với doanh nghiệp nội địa khi thực hiện hoạt động kinh doanh mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa tại Việt Nam **(CV số 2312/TCT-CS ngày 20/6/2014)**.

7. **Chính sách thuế GTGT:** Cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý; trường hợp trong tháng, quý số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu chưa được khấu trừ chưa đủ 300 triệu đồng thì được khấu trừ vào tháng, quý tiếp theo.

Cơ sở kinh doanh trong tháng/quý vừa có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hoá, dịch vụ bán trong nước thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế GTGT cho hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên (**CV số 2311/TCT-CS ngày 20/6/2014**).

8. **Hoàn thuế GTGT của dự án đầu tư:** Trường hợp công ty là Chủ đầu tư xây dựng các dự án đường cao tốc, mỗi dự án được chia thành nhiều gói thầu khác nhau, khi một hoặc một số gói thầu đã hoàn thành, đủ điều kiện để thông xe kỹ thuật, được công ty đưa vào tạm khai thác và thu phí tạm trong khi dự án chưa hoàn thành thì công ty thực hiện khai thuế GTGT riêng cho dự án đầu tư và thực hiện bù trừ thuế GTGT đầu vào của dự án với số thuế GTGT của hoạt động kinh doanh đang thực hiện. Sau khi bù trừ nếu có số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư mà chưa được bù trừ hết theo mức quy định của pháp luật về thuế GTGT (từ 300 triệu đồng trở lên) thì được hoàn thuế giá trị gia tăng cho dự án đầu tư, không hoàn theo trường hợp lũy kế 12 tháng liên tục vẫn còn số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết (**CV số 2291/TCT-CS ngày 19/6/2014**).
9. **Khấu trừ thuế GTGT vé máy bay điện tử:** Trường hợp Công ty mua vé máy bay qua website thương mại điện tử cho nhân viên đi công tác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì chứng từ làm căn cứ để tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN là vé máy bay điện tử, thẻ lên máy bay (boarding pass) mang tên cá nhân tham gia hành trình vận chuyển, đồng thời chứng từ thanh toán phải được ghi tên của Công ty.

Trường hợp nhân viên của Công ty được cử đi công tác và tự túc mua vé máy bay, thanh toán bằng thẻ ATM hoặc thẻ tín dụng mang tên cá nhân, sau đó về thanh toán lại với Công ty thì các hóa đơn, chứng từ nêu trên Công ty không được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào và không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN (**CV số 2272/TCT-KK ngày 18/6/2014**).

10. **Khấu trừ, hoàn thuế GTGT:** Trường hợp Công ty ký hợp đồng vay tín dụng với Ngân hàng, khi Công ty cung cấp các hoá đơn mua hàng trả chậm thì Ngân hàng giải ngân theo số tiền Công ty mua nợ người bán bằng cách: Ngân hàng giải ngân chuyển thẳng số tiền vào tài khoản của người bán và phát hành Giấy nhận nợ của ngân hàng (trên Giấy nhận nợ có thông tin tài khoản của bên thụ hưởng) và trong hợp đồng ký với bên bán hàng có quy định phương thức thanh toán này thì đây được coi là hình thức thanh toán qua ngân hàng. Nếu công ty đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ của tài liệu, chứng từ và đã hạch toán sổ sách chứng từ kế toán, kê khai thuế theo đúng quy định thì xem xét giải quyết khấu trừ, hoàn thuế GTGT cho các hoá đơn GTGT của hàng hoá dịch vụ mua vào theo quy định (**CV số 2238/TCT-KK ngày 16/06/2014**).
11. **Hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu sau đó tái xuất trả lại người bán:** Trường hợp nguyên vật liệu hoặc máy móc, thiết bị, tài sản cố định nhập khẩu để dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT nhưng không đảm bảo chất lượng, tái xuất khẩu trả lại nhà cung cấp nước ngoài thì không được khấu trừ thuế GTGT. Số thuế GTGT đã nộp khâu nhập khẩu của nguyên vật liệu hoặc máy móc, thiết bị, tài sản cố định nhập khẩu đã tái xuất là số thuế GTGT nộp thừa khâu nhập khẩu không được chi hoàn từ Quỹ hoàn thuế GTGT. Người nộp thuế thực hiện như sau:
  - + Nộp hồ sơ hoàn thuế GTGT khâu nhập khẩu nộp thừa tại cơ quan hải quan nơi người nộp thuế mở tờ khai hải quan hoặc quản lý khoản thuế GTGT nộp thừa khâu nhập khẩu để được hoàn trả số thuế GTGT nộp thừa khâu nhập khẩu theo quy định.
  - + Kê khai điều chỉnh số thuế GTGT đã được cơ quan hải quan hoàn nhưng đã kê khai, khấu trừ hoặc nộp lại số tiền thuế đã được hoàn thuế nội địa trước đó vào quỹ hoàn thuế GTGT (**CV số 2234/TCT-KK ngày 16/6/2014**).
12. **Hoàn thuế GTGT hàng xuất khẩu:** Trường hợp Công ty có hợp đồng xuất khẩu hàng hoá với nước ngoài, có Tờ khai hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan nhưng đến thời hạn thanh toán theo thoả thuận ghi trong hợp đồng Công ty chưa xuất trình được chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì Công ty không phải tính thuế GTGT đầu ra nhưng không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Nếu sau đó Công ty được phía nước ngoài thanh toán, xuất trình chứng từ thanh toán thì được kê khai khấu trừ, hoàn thuế theo quy định. Công ty kê khai, điều chỉnh giảm thuế GTGT của các kỳ trước trên Tờ khai thuế của kỳ thuế Công ty nhận được chứng từ thanh toán qua ngân hàng của phía nước ngoài đồng thời Công ty có văn bản gửi cơ quan Thuế giải trình lý do kê khai nêu trên và xuất trình với cơ quan thuế chứng từ thanh toán qua ngân hàng theo quy định đã được phía nước ngoài thanh toán.
  - Trường hợp Công ty bị khách hàng trả lại hàng xuất khẩu bị lỗi, Công ty không làm thủ tục nhập khẩu hàng bị lỗi về lại Việt Nam mà thông qua đại lý tại nước ngoài làm trung gian bán lại hàng bị lỗi nêu trên cho khách hàng thứ 2 khác quốc gia với khách hàng ban đầu, Công ty có Hợp đồng bán hàng hoá xuất khẩu (với khách hàng thứ hai), hoá đơn bán hàng hoá xuất khẩu (với khách hàng thứ hai) và chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hoá xuất khẩu nhưng không có Tờ khai hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu theo quy định thì không đủ điều kiện, thủ tục theo quy định để khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào đối với hàng hoá xuất khẩu bị lỗi nêu trên (**CV số 2128/TCT-KK ngày 09/06/2014**).
13. **Khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hóa đơn lập sai thời điểm:** Trường hợp đơn vị mua hàng hóa từ các nhà cung cấp (trang thiết bị, vật tư sử dụng để nghiên cứu). Tuy nhiên, do nguyên nhân khách quan làm chậm thanh toán tiền hàng dẫn đến nhà cung cấp không xuất hóa đơn GTGT khi giao hàng/thanh lý hợp đồng thì đơn vị được kê khai, hoàn thuế đối với những hóa đơn GTGT hàng hóa mua vào do người bán lập sai thời điểm nếu các hóa đơn này có đủ điều kiện khấu trừ theo quy định. Các nhà cung cấp hàng hóa cho đơn vị bị xử phạt về hành vi sử dụng hóa đơn (**CV số 2104/TCT-KK ngày 06/06/2014**).

14. **Chính sách thuế đối với tài sản đảm bảo là bất động sản khi chuyển nhượng, kê khai, nộp thuế:** Nếu hết thời gian trả nợ mà người có tài sản bảo đảm không có khả năng trả nợ và phải bàn giao tài sản cho tổ chức tín dụng; Tổ chức tín dụng xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ hoặc thực hiện hạch toán tăng giá trị tài sản phục vụ sản xuất kinh doanh thì người có tài sản đảm bảo thực hiện thủ tục bàn giao tài sản và không phải xuất hóa đơn GTGT.
- Trường hợp tổ chức tín dụng khi nhận tài sản, bất động sản là tài sản đảm bảo tiền vay để xử lý các khoản nợ vay, khi hạch toán sử dụng làm TSCĐ hoặc bán, chuyển nhượng thu tiền thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định (*CV số 2041/TCT-DNL ngày 03/06/2014*).
15. **Áp dụng phương pháp tính thuế và sử dụng hóa đơn:** Trường hợp trong thời gian 12 tháng, nếu doanh nghiệp, hợp tác xã chưa đủ điều kiện chứng minh giá trị tài sản đầu tư, mua sắm đạt mức 1 tỷ đồng hoặc trên 1 tỷ đồng, doanh nghiệp, hợp tác xã không được phát hành hóa đơn vì doanh nghiệp, hợp tác xã đang trong giai đoạn đầu tư không phát sinh doanh thu. Trường hợp trong thời gian đầu tư chưa đạt mức 1 tỷ đồng nếu có bán hàng thì doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp kể từ khi mới thành lập và sử dụng hóa đơn bán hàng để lập và giao cho khách hàng.
- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập từ ngày 01/01/2014 đã đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, đã đặt in hóa đơn bán hàng hoặc đã mua bán hàng của cơ quan thuế để sử dụng, đã nộp hồ sơ khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì áp dụng phương pháp tính trực tiếp cho năm 2014 và xác định lại phương pháp tính thuế cho năm 2015, 2016 trên cơ sở doanh thu của năm 2014 (*CV số 2028/TCT-CS ngày 03/06/2014*).
16. **Hóa đơn khi thay đổi địa chỉ kinh doanh:** Đối với các số hóa đơn đã đặt in nhưng chưa sử dụng hết có in sẵn tên, địa chỉ trên tờ hóa đơn, khi có sự thay đổi tên, địa chỉ nhưng không thay đổi mã số thuế và cơ quan thuế quản lý trực tiếp, nếu tổ chức, hộ và cá nhân kinh doanh vẫn có nhu cầu sử dụng hóa đơn đã đặt in thì thực hiện đóng dấu tên, địa chỉ mới vào bên cạnh tiêu thức tên, địa chỉ đã in sẵn để tiếp tục sử dụng và gửi thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp (mẫu số 3.13 Phụ lục 3, Thông tư 64/2013/TT-BTC).
- Trường hợp có sự thay đổi địa chỉ kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp, nếu tổ chức, hộ, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng số hóa đơn đã phát hành chưa sử dụng hết thì đóng dấu địa chỉ mới lên hóa đơn, gửi bảng kê hóa đơn chưa sử dụng và thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế nơi chuyển đến. Nếu tổ chức, hộ, cá nhân không có nhu cầu sử dụng số hóa đơn đã phát hành nhưng chưa sử dụng hết thì thực hiện hủy các số hóa đơn chưa sử dụng và thông báo kết quả hủy hóa đơn với cơ quan thuế nơi chuyển đi và thực hiện thông báo phát hành hóa đơn mới với cơ quan thuế nơi chuyển đến (*CV số 1984/TCT-CS ngày 29/5/2014*).
17. **Hoàn thuế GTGT hàng hóa xuất khẩu:** Chứng từ thanh toán hàng hóa xuất khẩu không phản ánh cụ thể nội dung việc chuyển tiền từ tài khoản của bên nhập khẩu sang tài khoản mang tên bên xuất khẩu mở tại ngân hàng thì không đủ điều kiện xem xét giải quyết hoàn thuế GTGT (*CV số 1913/TCT-CS ngày 26/5/2014*).
18. **Quy định về hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ:**
- Bán hàng hóa, dịch vụ có tổng giá thanh toán dưới 200.000 đồng mỗi lần thì không phải lập hóa đơn, trừ trường hợp người mua yêu cầu lập và giao hóa đơn.
- Khi bán hàng hóa, dịch vụ không phải lập hóa đơn như hướng dẫn như trên, người bán phải lập Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ. Bảng kê phải có tên, mã số thuế và địa chỉ của người bán, tên hàng hóa, dịch vụ, giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra, ngày lập, tên và chữ ký người lập Bảng kê. Trường hợp người bán nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thì Bảng kê bán lẻ phải có tiêu thức “thuế suất giá trị gia tăng” và “tiền thuế giá trị gia tăng”. Hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên Bảng kê theo thứ tự bán hàng trong ngày.
- Cuối mỗi ngày, cơ sở kinh doanh lập một hoá đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng ghi số tiền bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ trong ngày thể hiện trên dòng tổng cộng của bảng kê, ký tên và giữ liên giao cho người mua, các liên khác luân chuyển theo quy định. Tiêu thức “Tên, địa chỉ người mua” trên hoá đơn này ghi là “bán lẻ không giao hóa đơn” (*CV số 1870/TCT-CS ngày 21/05/2014*).
19. **Sử dụng hóa đơn tự in đối với chi nhánh, đơn vị trực thuộc:** Trường hợp Công ty có mức vốn điều lệ trên 15 tỷ đồng đã thực góp tính đến thời điểm phát hành hóa đơn. Công ty đã tạo hóa đơn tự in thì các Chi nhánh, đơn vị trực thuộc ở khác tỉnh, thành phố với Công ty thực hiện khai, nộp thuế GTGT tại các tỉnh, thành phố cũng được tự tạo hóa đơn tự in (*CV số 1864/TCT-DNL ngày 21/5/2014*).
20. **Hóa đơn bán hàng của các siêu thị, trung tâm thương mại:** Các siêu thị, trung tâm thương mại thành lập theo quy định của pháp luật được lập chung một (01) hóa đơn GTGT cho tổng doanh thu người mua không lấy hóa đơn phát sinh trong ngày (không phân biệt tổng giá trị thanh toán trên 200.000 đồng hay dưới 200.000 đồng). Chỉ tiêu người mua trên hóa đơn ghi rõ là khách hàng mua lẻ không lấy hóa đơn. Trường hợp khách hàng mua hàng tại các siêu thị, trung tâm thương mại (không phân biệt tổng giá trị thanh toán trên 200.000 đồng hay dưới 200.000 đồng) có yêu cầu xuất hóa đơn, các siêu thị, trung tâm thương mại phải lập hóa đơn GTGT cho từng khách hàng theo quy định. Các siêu thị, trung tâm thương mại phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số liệu về hàng bán ra với doanh số lập hoá đơn và hàng tồn kho. Dữ liệu bán hàng phải đảm bảo lưu trữ để phục vụ



công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế và các cơ quan chức năng khác (**CV số 1853/TCT-CS ngày 21/5/2014**).

21. **Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn:** Doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp sử dụng hóa đơn tự in, đặt in có hành vi vi phạm không được sử dụng hóa đơn tự in, đặt in, doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế thuộc diện mua hóa đơn của cơ quan thuế phải báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo tháng. Các trường hợp khác nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo quý (**CV số 1839/TCT-CS ngày 20/5/2014**).
22. **Vướng mắc về hóa đơn:**  

Trường hợp người bán là doanh nghiệp, hợp tác xã đã lập hóa đơn GTGT, ghi thuế GTGT khi bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì người bán và người mua phải điều chỉnh hóa đơn để không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT. Trường hợp người bán đã xuất nhiều hóa đơn GTGT cho cùng một (01) người mua thì khi điều chỉnh, người bán được xuất 01 hóa đơn điều chỉnh kèm theo Bảng kê các hóa đơn điều chỉnh.

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng là hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT. Theo đó, trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu hàng nhưng bị phía nước ngoài trả về thì khi nhập khẩu lại Việt Nam doanh nghiệp thực hiện kê khai nộp thuế GTGT như hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài. Doanh nghiệp được khấu trừ thuế GTGT căn cứ chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu theo quy định (**CV số 1829/TCT-CS ngày 20/5/2014**).
23. **Khấu trừ thuế đối với nhà thầu:** Trường hợp Nhà thầu chính và Chủ đầu tư đã thống nhất và được cơ quan hải quan chấp thuận Nhà thầu chính đứng tên trên tờ khai hải quan nhập khẩu máy móc thiết bị từ nước ngoài, đã thực hiện nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu đối với số máy móc, thiết bị này, đồng thời Nhà thầu chính nộp thuế GTGT một lần nữa khi nhận hóa đơn GTGT từ Nhà thầu phụ thì Nhà thầu chính được kê khai khấu trừ thuế GTGT đối với số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu và số thuế GTGT trên hóa đơn GTGT đã trả cho Nhà thầu phụ (**CV số 1793/TCT-CS ngày 16/5/2014**).
24. **Áp dụng khấu trừ thuế đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập:** Việc đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp tính thuế đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập được thực hiện như sau:  

Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập có dự án đầu tư không thuộc đối tượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư nhưng có phương án đầu tư được người có thẩm quyền của doanh nghiệp ra quyết định đầu tư phê duyệt mà mức đầu tư từ 1 tỷ đồng trở lên thì thuộc đối tượng đăng ký áp dụng phương pháp khấu trừ thuế.

Khi gửi Thông báo về việc áp dụng phương pháp tính thuế tới cơ quan thuế quản lý trực tiếp cùng với hồ sơ đăng ký thuế, doanh nghiệp, hợp tác xã đồng thời gửi đến cơ quan thuế phương án đầu tư được người có thẩm quyền ra quyết định đầu tư phê duyệt (bản photocopy có đóng dấu sao y bản chính) cùng với văn bản cam kết đầu tư, mua sắm tài sản cố định máy móc, thiết bị có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên trong thời gian 12 tháng. Trong thời gian 12 tháng, nếu doanh nghiệp, hợp tác xã chưa đủ điều kiện chứng minh giá trị tài sản đầu tư, mua sắm đạt mức 1 tỷ đồng hoặc trên 1 tỷ, doanh nghiệp, hợp tác xã không được phát hành hóa đơn (**CV số 5485/BTC-TCT ngày 26/4/2014**).
25. **Thuế GTGT đối với doanh nghiệp chế xuất:** Trường hợp Công ty là doanh nghiệp chế xuất khi bán các loại phế liệu thu hồi cho doanh nghiệp nội địa, người mua hàng trong nội địa phải làm thủ tục hải quan nhập khẩu các loại phế liệu thu hồi, đồng thời phải thực hiện kê khai nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu; kê khai, nộp thuế nhập khẩu tại cơ quan hải quan (nếu có) (**CV số 1410/TCT-CS ngày 25/4/2014**).
26. **Hóa đơn và thuế GTGT:** Từ ngày 20/12/2013, kể từ ngày Thông tư số 156/2013/TT-BTC có hiệu lực thi hành, trường hợp cơ sở kinh doanh có trụ sở chính ở một tỉnh nhưng có chi nhánh đơn vị trực thuộc ở tỉnh khác thực hiện thu mua hàng hóa là nông lâm thủy sản chưa qua chế biến thành sản phẩm khác để điều chuyển, xuất bán về trụ sở chính thì không sử dụng hóa đơn GTGT (**CV số 1388/TCT-CS ngày 24/04/2014**).
27. **Thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh vàng và ngoại tệ:** Trước ngày 1/3/2012, trường hợp chi nhánh ngân hàng thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế có hoạt động kinh doanh vàng và ngoại tệ thì hoạt động kinh doanh vàng và ngoại tệ được áp dụng theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT. Theo đó, GTGT là số chênh lệch giữa doanh số bán ra ngoại tệ trừ (-) giá vốn của ngoại tệ bán ra. Giá vốn được xác định theo 1 trong các phương pháp hướng dẫn hàng tồn kho quy định tại chuẩn mực kế toán số 02 ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001.  

Từ ngày 1/3/2012 hoạt động kinh doanh ngoại tệ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/1/2012 (**CV số 1359/TCT-CS ngày 23/4/2014**).
28. **Hoàn thuế GTGT khâu nhập khẩu nộp thừa:** - Trường hợp người nộp thuế nộp nhầm, nộp thừa thuế GTGT hàng nhập khẩu cho cơ quan hải quan trong kỳ kế toán (bao gồm trong tháng, quý, năm ngân sách) mà người nộp thuế hoặc cơ quan Hải quan phát hiện thì thực hiện điều chỉnh thu ngân sách nhà nước theo mẫu C1-07/NS ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS). Đồng thời, người nộp thuế nộp bản chính Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, cơ quan hải quan xác nhận, ký tên, đóng dấu đơn vị lên mặt trước

bản chính của Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số tiền thuế GTGT đã điều chỉnh sang khoản thuế khác để chuyển Kho bạc Nhà nước hạch toán điều chỉnh thu ngân sách nhà nước.

Đối với khoản thuế GTGT khâu nhập khẩu đã nộp và được hoàn trả khác năm ngân sách; cơ quan hải quan nơi người nộp thuế mở tờ khai hải quan hoặc quản lý khoản thuế GTGT nộp thừa khâu nhập khẩu tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn trả, ra Quyết định hoàn trả và lập Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước nơi đã hạch toán thu ngân sách nhà nước đối với khoản thuế GTGT hàng nhập khẩu để thực hiện hoàn trả cho người nộp thuế theo quy định.

Cơ quan hải quan có trách nhiệm gửi một bản Quyết định hoàn trả, Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước nêu trên gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế để làm cơ sở đối chiếu và thu hồi số thuế GTGT đã khấu trừ hoặc đã hoàn thuế ở khâu nội địa (nếu có) của các chứng từ nộp thuế đã được điều chỉnh hoặc hoàn thuế tại cơ quan hải quan theo quy định.

Người nộp thuế có trách nhiệm tự kê khai điều chỉnh số thuế GTGT đã được cơ quan hải quan hoàn nhưng đã kê khai, khấu trừ hoặc đã được hoàn thuế nội địa trước đó với cơ quan thuế trực tiếp quản lý người nộp thuế (**CV số 1350/TCT-KK ngày 23/4/2014**).

29. **Thuế GTGT chuyển nhượng hoạt động kinh doanh:** Khoản thu từ chuyển nhượng hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất là 10% (**CV số 1288/TCT-CS ngày 18/4/2014**).
30. **Khấu trừ thuế GTGT:** Trường hợp bên mua hàng ở nước ngoài mang tiền sang Việt Nam và thực hiện nộp tiền mặt trực tiếp vào tài khoản của bên bán hàng tại Việt Nam là không đúng quy định của pháp luật về quản lý thuế. Các chứng từ nộp tiền mặt vào tài khoản này không đủ điều kiện để khấu trừ hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (**CV số 1217/TCT-KK ngày 15/4/2014**).
31. **Hoàn thuế GTGT:** Cơ sở kinh doanh đang hoạt động thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới cùng tỉnh, thành phố, đang trong giai đoạn đầu tư thì cơ sở kinh doanh phải kê khai bù trừ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư mới cùng với việc kê khai thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện.

Sau khi bù trừ nếu có số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ hết từ 200 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT cho dự án đầu tư. Trường hợp số thuế GTGT đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh và dự án đầu tư dưới 200 triệu đồng và 3 tháng chưa được khấu trừ hết thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế.

Trường hợp cơ sở kinh doanh đang hoạt động thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính, đang trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động, chưa đăng ký kinh doanh, chưa đăng ký thuế, nếu có số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 200 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT cho dự án đầu tư. Cơ sở kinh doanh phải kê khai, lập hồ sơ hoàn thuế riêng đối với trường hợp này. Trường hợp có ban quản lý dự án thì ban quản lý dự án thực hiện đăng ký, kê khai lập hồ sơ hoàn thuế riêng với cơ quan thuế địa phương nơi đăng ký thuế (trừ ban quản lý dự án cùng địa bàn tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính do doanh nghiệp trụ sở chính lập hồ sơ hoàn thuế GTGT). Khi dự án đầu tư thành lập doanh nghiệp mới đã hoàn thành và hoàn tất các thủ tục về đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế, cơ sở kinh doanh là chủ dự án đầu tư phải tổng hợp số thuế GTGT phát sinh, số thuế GTGT đã hoàn, số thuế GTGT chưa được hoàn của dự án để bàn giao cho doanh nghiệp mới thành lập để doanh nghiệp mới thực hiện kê khai, nộp thuế và đề nghị hoàn thuế GTGT theo quy định với cơ quan thuế quản lý trực tiếp (**CV số 1183/TCT-CS ngày 11/4/2014**).

32. **Vướng mắc thuế GTGT:** - Trường hợp Công ty thanh lý máy móc, thiết bị theo hình thức xuất khẩu bán cho một Công ty khác ở nước ngoài thì chịu thuế GTGT với thuế suất 0% nếu đáp ứng đủ điều kiện hàng hóa xuất khẩu theo quy định.  
 Trường hợp Công ty nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của Công ty nếu có chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu theo đúng quy định thì được kê khai, khấu trừ, hoàn thuế GTGT theo quy định (**CV số 1161/TCT-KK ngày 10/4/2014**).
33. **Xử lý hóa đơn viết thiếu thông tin:** Trường hợp Công ty TNHH hóa đơn mua vào ghi thiếu cụm từ "TNHH" tại tiêu thức "tên người mua" mà sai sót này không làm ảnh hưởng đến doanh thu và số thuế GTGT. Để đơn giản thủ tục hành chính cho doanh nghiệp thì đề nghị Cục Thuế hướng dẫn Công ty lập hóa đơn điều chỉnh sai sót kèm bảng kê các hóa đơn lập sai. Công ty phải cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tiêu thức khác (**CV số 1146/TCT-CS ngày 10/4/2014**).
34. **Xác định phương pháp tính thuế GTGT:** Tại điểm b, khoản 2 Điều 12 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT:

*"Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập trong năm 2013 hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 không đủ 12 tháng thì xác định doanh thu ước tính của năm như sau: Tổng cộng chỉ tiêu "Tổng doanh thu của HHDV bán ra chịu thuế GTGT" trên Tờ khai thuế GTGT của kỳ tính thuế các tháng hoạt động sản xuất kinh doanh chia (:) số tháng hoạt động sản xuất kinh doanh và nhân với (x) 12 tháng. Trường hợp theo cách xác định như trên, doanh thu ước tính từ 1 tỷ đồng trở lên thì doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu trừ thuế. Trường hợp doanh thu*

*ước tính theo cách xác định trên chưa đến 1 tỷ đồng thì doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính trực tiếp trong hai năm, trừ trường hợp doanh nghiệp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế.”*

Căn cứ hướng dẫn trên, trường hợp doanh nghiệp thành lập năm 2013 không đủ 12 tháng nhưng đã có doanh thu của năm 2013 thì Cục Thuế hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện theo quy định trên.

Trường hợp doanh nghiệp thành lập năm 2013 và chưa có doanh thu của năm 2013, Cục Thuế hướng dẫn doanh nghiệp xác định phương pháp tính thuế GTGT như doanh nghiệp mới thành lập (**CV số 1145/TCT-CS ngày 10/4/2014**).

35. **Hóa đơn, chứng từ mua nông sản:** - Trường hợp Công ty mua nông sản của người sản xuất trực tiếp bán ra thì chỉ cần có chứng từ thanh toán và Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ theo quy định, không bắt buộc phải sử dụng chứng từ không dùng tiền mặt.

Trường hợp Công ty mua nông sản của hộ, cá nhân kinh doanh phải sử dụng hóa đơn theo quy định thì đối với hóa đơn mua hàng từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt trừ trường hợp lập Bảng kê (**CV số 1130/TCT-CS ngày 08/4/2014**).

36. **Thuế suất thuế GTGT mặt hàng cà phê nguyên liệu:** Trường hợp Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT mua cà phê nguyên liệu chỉ qua sơ chế thông thường rồi bán cho một công ty thương mại khác phải kê khai, tính nộp thuế GTGT khi bán sản phẩm theo tỷ lệ 1% trên doanh thu trong khâu kinh doanh thương mại. Trường hợp Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ mua cà phê nguyên liệu chỉ qua sơ chế thông thường rồi bán cho một công ty thương mại khác nếu công ty này nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thì không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT khi bán sản phẩm, nếu công ty này nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT hoặc bán cho người tiêu dùng thì phải kê khai, tính nộp thuế GTGT với mức thuế suất 5%. (**CV số 3828/BTC-CST ngày 26/03/2014**)

37. **Chính sách thuế GTGT đối với hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ:** Trường hợp Nhà thầu nước ngoài (NTNN) cung cấp hàng hóa (là nguyên liệu) theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ (NTNN chỉ định doanh nghiệp tại Việt Nam (doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ) giao hàng cho doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ và phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng ký giữa NTNN với doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ thì việc xác định nghĩa vụ thuế GTGT của NTNN được thực hiện theo nguyên tắc:

Nếu hàng hóa đã được nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu theo quy định thì NTNN không phải nộp thuế GTGT đối với giá trị hàng hóa.

Trường hợp hợp đồng tách riêng được giá trị hàng hóa và giá trị dịch vụ thì áp dụng tỷ lệ GTGT tương ứng với giá trị từng hoạt động; Trường hợp hợp đồng không tách riêng được giá trị hàng hóa và giá trị dịch vụ thì tỷ lệ GTGT được tính chung cho cả hợp đồng.

(**CV số 951/TCT-CS ngày 24/03/2014**)

38. **Giá tính thuế GTGT đối với dịch vụ du lịch lữ hành trọn gói:** Trường hợp giá tour du lịch là giá trọn gói bao gồm các khoản chi vé máy bay vận chuyển khách du lịch từ nước ngoài vào Việt Nam, từ Việt Nam đi nước ngoài, các chi phí ăn, nghỉ, thăm quan và một số khoản chi ở nước ngoài khác (nếu có hóa đơn, chứng từ hợp pháp) thì các khoản thu của khách hàng để chi cho các khoản trên Công ty được tính giảm trừ trong giá tính thuế GTGT, đồng thời Công ty cũng được giảm trừ trong giá tính thuế GTGT của dịch vụ du lịch lữ hành trọn gói khi xuất hóa đơn cho khách hàng. (**CV số 853/TCT-CS ngày 17/03/2014**)

39. **Điều kiện thanh toán qua ngân hàng:** Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu cho người mua phía nước ngoài là cá nhân kinh doanh và việc thanh toán thông qua tài khoản vãng lai của cá nhân kinh doanh nước ngoài mở tại tổ chức tín dụng ở Việt Nam thì không đáp ứng điều kiện thanh toán qua ngân hàng để khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu. (**CV số 803/TCT-CS ngày 13/03/2014**)

40. **Thuế GTGT đối với lãi tiền vay:** Trường hợp công ty vay tiền của một công ty khác theo hợp đồng khoản tiền lãi vay từ hợp đồng này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, khi nhận tiền lãi bên cho vay phải lập hóa đơn GTGT, đồng thuế suất, tiền thuế GTGT không ghi và gạch bỏ. (**CV số 798/TCT-CS ngày 13/03/2014**)

41. **Khấu trừ thuế đối với hàng khuyến mại:** Trường hợp của Công ty từ trước đến nay, khi xuất hàng khuyến mại không thu tiền cho Công ty, các nhà sản xuất lập hóa đơn hàng khuyến mại có ghi thuế GTGT đầu ra, nhưng số thuế GTGT đầu vào này Công ty không phải thanh toán thì Công ty không được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào của các hóa đơn hàng khuyến mại này. (**CV số ngày 717/TCT-CS ngày 10/03/2014**)

42. **Chính sách thuế đối với tài sản cố định dùng để cho thuê:**

Trường hợp Công ty là tổ chức tín dụng được phép cho thuê hoạt động theo quy định của pháp luật thì Công ty được khấu trừ toàn bộ số thuế GTGT đầu vào của TSCĐ cho thuê hoạt động là máy móc, thiết bị ô tô (trừ ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống có giá trị vượt trên 1,6 tỷ đồng/xe) nếu đáp ứng các điều kiện về hóa đơn, chứng từ và thanh toán qua ngân hàng theo quy định.

Trường hợp TSCĐ cho thuê hoạt động là ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống có giá trị vượt trên 1,6 tỷ đồng/xe (giá chưa có thuế GTGT) thì Công ty không được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào tương ứng với phần giá trị vượt

trên 1,6 tỷ đồng và không được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với phần trích khấu hao TSCĐ tương ứng với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng.

Bên đi thuê hoạt động trả tiền thuê theo hợp đồng và được khấu trừ thuế GTGT đầu vào tương ứng, được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh số tiền đi thuê theo chế độ quy định.

Đối với trường hợp Công ty mua tài sản cố định, máy móc, thiết bị trong đó có cả xe ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống có giá trị vượt trên 1,6 tỷ đồng/xe để cho thuê tài chính thì bên đi thuê tài chính (bao gồm cả các tổ chức tín dụng) phải trích khấu hao tài sản như TSCĐ thuộc sở hữu của mình. Trường hợp nếu bên đi thuê cam kết không mua lại tài sản thuê, bên đi thuê được tính khấu hao theo thời hạn thuê trong hợp đồng. Bên đi thuê tài chính căn cứ vào lĩnh vực kinh doanh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và phần trích khấu hao TSCĐ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định.

***(CV số 572/TCT-DNL ngày 26/02/2014)***

**43. Xử lý vi phạm hành chính về hóa đơn:**

Trường hợp người nộp thuế có hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp hoặc sử dụng bất hợp pháp hóa đơn thì:

Nếu trường hợp doanh nghiệp sử dụng hóa đơn bất hợp pháp hoặc sử dụng bất hợp pháp hóa đơn mà dẫn đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế theo quy định tại Điều 108 của Luật Quản lý thuế thì doanh nghiệp chỉ bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 98/2007/NĐ-CP, Nghị định số 129/2013/NĐ-CP, Thông tư số 61/2007/TT-BTC, Thông tư số 166/2013/TT-BTC nêu trên, không bị xử lý về hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp hoặc sử dụng bất hợp pháp hóa đơn theo quy định của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 109/2013/NĐ-CP, Thông tư số 10/2014/TT-BTC.

Nếu trường hợp doanh nghiệp sử dụng hóa đơn bất hợp pháp hoặc sử dụng bất hợp pháp hóa đơn mà không dẫn đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế theo quy định tại Điều 108 của Luật Quản lý thuế thì doanh nghiệp chỉ bị xử lý về hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp hoặc sử dụng bất hợp pháp hóa đơn theo quy định của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 109/2013/NĐ-CP, Thông tư số 10/2014/TT-BTC, không bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 98/2007/NĐ-CP, Nghị định số 129/2013/NĐ-CP, Thông tư số 61/2007/TT-BTC, Thông tư số 166/2013/TT-BTC.

***(CV số 568/TCT-CS ngày 26/02/2014)***

**44. Kê khai thuế GTGT:** Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại thì thực hiện khai trên bảng kê mẫu số 01-1/GTGT, không phải kê khai lên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính. ***(CV số 559/TCT-CS ngày 25/02/2014)***

**45. Khấu trừ, hoàn thuế trong trường hợp doanh nghiệp viết hóa đơn sai về hình thức:** Trường hợp doanh nghiệp viết hóa đơn chỉ sai về "hình thức" như: hàng hóa xuất khẩu tại chỗ đã sử dụng hóa đơn GTGT; hóa đơn viết tắt tên, địa chỉ người mua hàng nhưng đúng MST; viết hóa đơn nhưng chưa gạch chéo đúng quy định phần trống thì Bộ Tài chính yêu cầu các Cục thuế kiểm tra thực tế nếu hóa đơn đã lập phù hợp với số kế toán, phản ánh đúng bản chất kinh tế, có thanh toán qua ngân hàng theo quy định thì Cục thuế hướng dẫn nhắc nhở doanh nghiệp và thực hiện hoàn thuế hoặc cho khấu trừ theo đúng thực tế phát sinh. ***(CV số 1781/BTC-TCT ngày 11/02/2014)***

**46. Chính sách thuế GTGT đối với khoản lãi cho vay:** Trường hợp tổ chức, cá nhân không phải là tổ chức tín dụng, nhà thầu nước ngoài có phát sinh khoản thu từ lãi tiền cho vay trước ngày 01/01/2009 tại Việt Nam thì khoản lãi tiền vay của các đơn vị này không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Trước ngày 01/3/2012, nếu Tập đoàn có phát sinh khoản thu từ lãi cho vay từ các đơn vị thuộc Tập đoàn, đã lập hóa đơn và đã kê khai, tính thuế GTGT với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với khoản thu này và các bên cam kết không thực hiện điều chỉnh, nếu các đơn vị đi vay vốn sử dụng vốn vay để phục vụ hoạt động kinh doanh chịu thuế GTGT thì được khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định. ***(Công văn số 279/TCT-CS ngày 22/01/2014)***

**47. Khấu trừ thuế GTGT:** Trường hợp của Công ty có các hóa đơn GTGT đầu vào phát sinh trong ngày của cùng một nhà cung cấp đối với các chi phí ở cảng như phí: tiền điện chạy lạnh, lưu container, lưu bãi, vệ sinh cont, nâng hạ cont,... và các loại lệ phí: lệ phí hải quan, lệ phí kiểm dịch thú y, lệ phí kiểm Trung tâm 3,... có giá trị dưới hai mươi triệu đồng nếu cộng lại các hóa đơn nêu trên vượt trên hai mươi triệu đồng thì chỉ được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

Trường hợp Công ty thanh toán các hóa đơn GTGT của chi phí tiếp khách từ hai mươi triệu đồng trở lên bằng thẻ Visa/master mang tên chủ thẻ là tên Công ty thì được chấp nhận là đủ điều kiện thanh toán qua ngân hàng để khấu trừ thuế GTGT ***(CV số 239/TCT-CS ngày 17/01/2014)***

**48. Báo cáo sử dụng hóa đơn:** Trường hợp doanh nghiệp đã lập Tờ Thông báo phát hành hóa đơn gửi cơ quan quản lý thuế để được sử dụng, trong kỳ báo cáo không sử dụng hóa đơn (số sử dụng = 0) thì vẫn phải nộp Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định ***(CV số 237/TCT-CS ngày 17/01/2014)***.

**49. Kê khai khấu trừ thuế đối với đơn vị trực thuộc:** Trường hợp các đơn vị trực thuộc của Công ty đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi Công ty có trụ sở chính, thực hiện mua hàng hóa (theo chỉ định của Công ty) có các hóa đơn

mua hàng hóa mang tên và mã số thuế của đơn vị trực thuộc thì các hóa đơn này được Công ty kê khai, khấu trừ thuế GTGT tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp của Công ty. Trường hợp, các đơn vị trực thuộc kinh doanh ở địa phương khác nơi Công ty có trụ sở chính thì các hóa đơn mua hàng hóa mang tên và mã số thuế của các đơn vị trực thuộc này được kê khai, khấu trừ thuế GTGT tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp của đơn vị trực thuộc đó.

Trường hợp Công ty xuất hàng hóa cho các đơn vị trực thuộc để bán hoặc các đơn vị trực thuộc xuất bán hàng hóa cho nhau hoặc các đơn vị trực thuộc xuất hàng hóa về lại Công ty không làm phát sinh doanh thu thì được lựa chọn một trong hai cách sử dụng hóa đơn, chứng từ sau đây:

Sử dụng hóa đơn GTGT để làm căn cứ thanh toán và kê khai nộp thuế GTGT ở từng đơn vị và từng khâu độc lập với nhau;

Sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ kèm theo Lệnh điều động nội bộ; Sử dụng Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý theo quy định đối với hàng hóa xuất cho cơ sở làm đại lý kèm theo Lệnh điều động nội bộ.

Trường hợp xuất điều chuyển mà có phát sinh doanh thu thì phải lập hóa đơn GTGT và kê khai, nộp thuế theo quy định hiện hành (**CV số 234/TCT-KK ngày 17/01/2014**).

50. **Bổ sung điều kiện được tự in hóa đơn:** Ngày 17/01/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 04/2014/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ.

Theo đó, ngoài các điều kiện được tự in hoá đơn theo quy định hiện hành: Có mã số thuế; có doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ; không bị xử phạt về các hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo mức do Bộ Tài chính quy định trong 365 ngày liên tục tính đến ngày thông báo phát hành hóa đơn..., tổ chức kinh doanh (trừ các doanh nghiệp được thành lập trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất; các đơn vị sự nghiệp công lập có sản xuất, kinh doanh...) muốn tự in hóa đơn còn phải có văn bản đề nghị sử dụng hóa đơn tự in và được sự chấp thuận của cơ quan thuế.

Tổ chức có hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp có mã số thuế (trừ hộ, cá nhân kinh doanh và các doanh nghiệp vi phạm về quản lý, sử dụng hóa đơn...) được phép đặt in hóa đơn để sử dụng cho các hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Trước khi đặt in hóa đơn lần đầu, tổ chức, doanh nghiệp đó phải gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp văn bản đăng ký sử dụng hóa đơn đặt in.

Đối với doanh nghiệp đang sử dụng hóa đơn đặt in có hành vi vi phạm về hóa đơn bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế, gian lận thuế hoặc doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế theo quy định của pháp luật không được sử dụng hóa đơn đặt in mà phải mua hóa đơn của cơ quan thuế trong thời gian 12 tháng. Hết 12 tháng, nếu đáp ứng điều kiện tự in hoặc đặt hóa đơn, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo doanh nghiệp chuyển sang tự tạo hóa đơn để sử dụng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/03/2014.

51. **Chính sách thuế đối với tài sản cố định dùng để cho thuê:**

Trường hợp Công ty là tổ chức tín dụng được phép cho thuê hoạt động theo quy định của pháp luật thì Công ty được khấu trừ toàn bộ số thuế GTGT đầu vào của TSCĐ cho thuê hoạt động là máy móc, thiết bị ô tô (trừ ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống có giá trị vượt trên 1,6 tỷ đồng/xe) nếu đáp ứng các điều kiện về hóa đơn, chứng từ và thanh toán qua ngân hàng theo quy định.

Trường hợp TSCĐ cho thuê hoạt động là ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống có giá trị vượt trên 1,6 tỷ đồng/xe (giá chưa có thuế GTGT) thì Công ty không được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào tương ứng với phần giá trị vượt trên 1,6 tỷ đồng và không được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với phần trích khấu hao TSCĐ tương ứng với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng.

Bên đi thuê hoạt động trả tiền thuê theo hợp đồng và được khấu trừ thuế GTGT đầu vào tương ứng, được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh số tiền đi thuê theo chế độ quy định.

Đối với trường hợp Công ty mua tài sản cố định, máy móc, thiết bị trong đó có cả xe ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống có giá trị vượt trên 1,6 tỷ đồng/xe để cho thuê tài chính thì bên đi thuê tài chính (bao gồm cả các tổ chức tín dụng) phải trích khấu hao tài sản như TSCĐ thuộc sở hữu của mình. Trường hợp nếu bên đi thuê cam kết không mua lại tài sản thuê, bên đi thuê được tính khấu hao theo thời hạn thuê trong hợp đồng. Bên đi thuê tài chính căn cứ vào lĩnh vực kinh doanh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và phần trích khấu hao TSCĐ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định.

**(CV số 572/TCT-DNL ngày 26/02/2014)**

52. **Xử lý vi phạm hành chính về hóa đơn:**

Trường hợp người nộp thuế có hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp hoặc sử dụng bất hợp pháp hóa đơn thì:

Nếu trường hợp doanh nghiệp sử dụng hóa đơn bất hợp pháp hoặc sử dụng bất hợp pháp hóa đơn mà dẫn đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế theo quy định tại Điều 108 của Luật Quản lý thuế thì doanh nghiệp chỉ bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 98/2007/NĐ-CP, Nghị định số

129/2013/NĐ-CP, Thông tư số 61/2007/TT-BTC, Thông tư số 166/2013/TT-BTC nêu trên, không bị xử lý về hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp hoặc sử dụng bất hợp pháp hóa đơn theo quy định của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 109/2013/NĐ-CP, Thông tư số 10/2014/TT-BTC.

Nếu trường hợp doanh nghiệp sử dụng hóa đơn bất hợp pháp hoặc sử dụng bất hợp pháp hóa đơn mà không dẫn đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế theo quy định tại Điều 108 của Luật Quản lý thuế thì doanh nghiệp chỉ bị xử lý về hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp hoặc sử dụng bất hợp pháp hóa đơn theo quy định của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 109/2013/NĐ-CP, Thông tư số 10/2014/TT-BTC, không bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 98/2007/NĐ-CP, Nghị định số 129/2013/NĐ-CP, Thông tư số 61/2007/TT-BTC, Thông tư số 166/2013/TT-BTC.

**(CV số 568/TCT-CS ngày 26/02/2014)**

53. **Kê khai thuế GTGT:** Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại thì thực hiện khai trên bảng kê mẫu số 01-1/GTGT, không phải kê khai lên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính. **(CV số 559/TCT-CS ngày 25/02/2014)**
54. **Khấu trừ, hoàn thuế trong trường hợp doanh nghiệp viết hóa đơn sai về hình thức:** Trường hợp doanh nghiệp viết hóa đơn chỉ sai về "hình thức" như: hàng hóa xuất khẩu tại chỗ đã sử dụng hóa đơn GTGT; hóa đơn viết tắt tên, địa chỉ người mua hàng nhưng đúng MST; viết hóa đơn nhưng chưa gạch chéo đúng quy định phần trống thì Bộ Tài chính yêu cầu các Cục thuế kiểm tra thực tế nếu đơn đã lập phù hợp với số kế toán, phản ánh đúng bản chất kinh tế, có thanh toán qua ngân hàng theo quy định thì Cục thuế hướng dẫn nhắc nhở doanh nghiệp và thực hiện hoàn thuế hoặc cho khấu trừ theo đúng thực tế phát sinh. **(CV số 1781/BTC-TCT ngày 11/02/2014)**
55. **Chính sách thuế GTGT đối với khoản lãi cho vay:** Trường hợp tổ chức, cá nhân không phải là tổ chức tín dụng, nhà thầu nước ngoài có phát sinh khoản thu từ lãi tiền cho vay trước ngày 01/01/2009 tại Việt Nam thì khoản lãi tiền vay của các đơn vị này không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Trước ngày 01/3/2012, nếu Tập đoàn có phát sinh khoản thu từ lãi cho vay từ các đơn vị thuộc Tập đoàn, đã lập hóa đơn và đã kê khai, tính thuế GTGT với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với khoản thu này và các bên cam kết không thực hiện điều chỉnh, nếu các đơn vị đi vay vốn sử dụng vốn vay để phục vụ hoạt động kinh doanh chịu thuế GTGT thì được khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định. **(Công văn số 279/TCT-CS ngày 22/01/2014)**
56. **Hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng:** Ngày 31/12/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 219/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, thay thế Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012 và Thông tư số 65/2013/TT-BTC ngày 17/5/2013 của Bộ Tài chính.

Một số điểm mới đáng lưu ý của Thông tư như sau:

*Về đối tượng không chịu thuế:*

Bổ sung một số đối tượng:

- Bán tài sản đảm bảo tiền vay, cung cấp thông tin tín dụng theo Luật Ngân hàng Nhà nước.
- Chuyển nhượng quyền góp vốn

*Về các trường hợp không phải kê khai, tính và nộp thuế GTGT:*

Bổ sung một số trường hợp

- Tổ chức, cá nhân nhận các khoản thu về bồi thường bằng tiền (bao gồm cả tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất khi bị thu hồi đất theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền
- Các trường hợp nhận tiền của tổ chức, cá nhân để thực hiện dịch vụ cho tổ chức, cá nhân như sửa chữa, bảo hành, khuyến mại, quảng cáo thì phải kê khai, nộp thuế theo quy định.
- Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, hợp tác xã
- Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT, nếu bán cho các đối tượng khác thì phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo mức thuế suất 5%.

*Về nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào:*

- Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (kể cả tài sản cố định) sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.

- Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh có dự án đầu tư, bao gồm cả cơ sở sản xuất, kinh doanh mới thành lập, vừa đầu tư vào sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì số thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản được tạm khấu trừ theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra theo phương án sản xuất, kinh doanh của cơ sở kinh doanh. Số thuế tạm khấu trừ được điều chỉnh theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong ba năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu.
- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

## THUẾ TNDN

1. **Chính sách thuế TNDN:** Trường hợp Công ty trong quá trình vận tải trên biển, có va chạm với tàu của đơn vị khác dẫn đến tổn thất cho cả hai bên, nếu các cơ quan liên quan xác định nguyên nhân va chạm do lỗi của người lao động của Công ty thì tổn thất Công ty phải chịu không phải là tổn thất trong trường hợp bất khả kháng. Nếu Công ty chi trả thêm khoản chi phí bồi thường thiệt hại ngoài phần được bảo hiểm chi trả thì khoản chi này không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (***CV số 2385/TCT-CS ngày 24/06/2014***).
2. **Ưu đãi thuế TNDN đối với đầu tư mở rộng:** Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn ưu đãi hoặc dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực ưu đãi; Doanh nghiệp có dự án đầu tư phát triển dự án đầu tư đang hoạt động thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất nếu đáp ứng một trong ba tiêu chí quy định tại Khoản 5 Điều 16 Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ thì được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định (***CV số 1947/TCT-CS ngày 27/5/2014***).
3. **Xác định thời điểm ghi nhận doanh thu tính thuế TNDN đối với hàng hóa xuất khẩu:** Thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN đối với hoạt động bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua. Trường hợp xuất khẩu hàng hóa, ngày xác định doanh thu xuất khẩu để tính thuế là ngày xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan (***CV số 1892/TCT-DNL ngày 23/5/2014***).
4. **Xác định chi phí được trừ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp:**
  - + Trường hợp người lao động trong doanh nghiệp thuộc đối tượng và đáp ứng các điều kiện hưởng chế độ ốm đau theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 thì được hưởng chế độ ốm đau do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả.
  - + Trường hợp Công ty thanh toán bằng tiền những ngày chưa nghỉ hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động theo đúng chế độ quy định thì khoản tiền thanh toán này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty nếu có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định (***CV số 1858/TCT-CS ngày 21/5/2014***).
5. **Kê khai thuế GTGT đối với hóa đơn bỏ sót:**

Đối với các hóa đơn phát sinh kể từ 01/01/2014 thì trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện hóa đơn kê khai khấu trừ bị bỏ sót chưa kê khai thì được kê khai khấu trừ bổ sung vào kỳ kê khai gần nhất của thời điểm phát hiện sai sót, nhưng phải trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

Ví dụ:

Công ty A có 01 hóa đơn GTGT mua vào lập ngày 01/01/2014. Trong kỳ kê khai thuế tháng 01/2014, Công ty bỏ sót không kê khai khấu trừ hóa đơn này. Đến 15/03/2014 Công ty phát hiện hóa đơn bỏ sót chưa kê khai thì Công ty kê khai khấu trừ bổ sung đối với hóa đơn bỏ sót vào kỳ kê khai tháng 02/2014

Công ty A có 01 hóa đơn GTGT mua vào lập ngày 01/01/2014. Trong kỳ kê khai thuế tháng 01/2014, Công ty bỏ sót không kê khai khấu trừ hóa đơn này. Đến 30/03/2014 Công ty phát hiện hóa đơn bỏ sót chưa kê khai thì Công ty kê khai khấu trừ bổ sung đối với hóa đơn bỏ sót vào kỳ kê khai tháng 03/2014 (***CV số 1818/TCT-KK ngày 19/5/2014***).
6. **Học phí cho con người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam:** Trường hợp thỏa thuận tại hợp đồng lao động, Công ty có chi trả học phí cho con của người nước ngoài học tại Việt Nam nếu có hóa đơn hoặc chứng từ thu tiền học phí có ghi tên, địa chỉ, mã số thuế của Công ty thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Khoản tiền học phí này không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công của người lao động khi tính thuế TNCN (***CV số 1857/TCT-CS ngày 21/5/2014***).
7. **Phí quản lý cấp trên phân bổ cho chi nhánh:** Chi phí quản lý cấp trên của Công ty phân bổ cho Chi nhánh không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

Trường hợp Công ty đã lập hóa đơn tính thuế GTGT đối với khoản kinh phí này thì Công ty và Chi nhánh lập biên bản và xuất hóa đơn GTGT điều chỉnh thuế GTGT trên hóa đơn ghi rõ điều chỉnh thuế GTGT cho hàng hóa, dịch vụ tại các hóa đơn số, ký hiệu... Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, Công ty và Chi nhánh thực hiện điều chỉnh lại việc kê khai nộp thuế GTGT. Cụ thể: Công ty điều chỉnh lại số thuế GTGT đã nộp (điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu ra và điều chỉnh số thuế đầu vào tương ứng với chi phí quản lý phân bổ), Chi nhánh điều chỉnh giảm số thuế đã kê khai khấu trừ.

Khoản chi phí quản lý cấp trên của Công ty là khoản chi phí quản lý của Công ty đối với các chi nhánh hoạt động ở các tỉnh đã phát sinh trước khi phân bổ, sau khi phân bổ là doanh thu chịu thuế TNDN của Công ty. Công ty không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa dịch vụ phục vụ cho quản lý chung các chi nhánh, tính vào chi phí của Công ty.

Đối với chi nhánh đây là khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế (**CV số 1616/TCT-CS ngày 08/5/2014**).

8. **Chính sách thuế TNDN:** Trường hợp Công ty có góp vốn thành lập Công ty khác bằng giá trị tài sản trên đất thuê nếu thực tế xác định hoạt động chuyển nhượng của Công ty là hoạt động chuyển nhượng vốn và có hồ sơ chứng minh về hoạt động chuyển nhượng vốn góp tại Công ty nhận vốn góp theo quy định thì kê khai nộp thuế TNDN theo hoạt động chuyển nhượng vốn. Trường hợp nếu thực tế xác định khoản thu nhập này là khoản thu nhập từ chuyển nhượng quyền thuê đất gắn với tài sản trên đất thì kê khai nộp thuế TNDN theo hoạt động chuyển nhượng Bất động sản (**CV số 1409/TCT-CS ngày 25/4/2014**).
9. **Thuế TNDN đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa:** Trường hợp Công ty chưa đăng ký với cơ quan thuế là cơ sở thực hiện xã hội hóa thì chưa đủ điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định. Sau khi đăng ký với cơ quan thuế là cơ sở thực hiện xã hội hóa (nhưng phải đảm bảo trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở Công ty) mà Công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế và các văn bản pháp luật có liên quan thì Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa.

Nếu Công ty xác định có sự sai sót, nhầm lẫn trong hồ sơ khai thuế gây ảnh hưởng đến số thuế phải nộp thì Công ty được kê khai điều chỉnh bổ sung, nhưng phải trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở Công ty (**CV số 1355/TCT-CS ngày 23/4/2014**).

10. **Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN:** Các khoản đóng góp cho Ngân sách địa phương không thuộc một trong các khoản chi tài trợ được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN thì không được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN (**CV số 1301/TCT-CS ngày 21/4/2014**).
11. **Đền bù về tài sản trên đất và tiền hỗ trợ di dời:** - Nếu tổ chức là doanh nghiệp có vốn nhà nước, đang quản lý phải di dời theo quy hoạch của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì thực hiện theo Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị và thực hiện theo Thông tư 81/2011/TT-BTC ngày 09/06/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn Quyết định số 86 (giá trị của các khoản hỗ trợ di dời, đền bù về tài sản cố định trên đất sau khi trừ các chi phí liên quan (nếu có) và hỗ trợ các khoản (hỗ trợ ngừng sản xuất kinh doanh, hỗ trợ để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới) thì số tiền còn lại Công ty phải nộp vào Ngân sách theo quy định tại tiết c khoản 2 Điều 12 Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị ban hành kèm theo Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

Nếu tổ chức là doanh nghiệp không có vốn nhà nước phải di dời theo quy hoạch của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì doanh nghiệp nhận được tiền đền bù về tài sản cố định trên đất và tiền hỗ trợ di dời sau khi trừ các khoản chi phí liên quan như chi phí di dời (chi phí vận chuyển, lắp đặt), giá trị còn lại của tài sản cố định và các chi phí khác (nếu có), doanh nghiệp hạch toán phần còn lại vào thu nhập khác và kê khai nộp thuế TNDN theo quy định.

(**CV số 877/TCT-CS ngày 18/03/2014**)

12. **Thuế TNDN đối với cổ tức được chia bằng cổ phiếu:** Trường hợp Công ty được chia cổ tức bằng cổ phiếu với tổng mệnh giá tương đương giá trị cổ tức được nhận thì phần thu nhập này được miễn thuế TNDN. Khi bán số cổ phiếu này, công ty phải tính, kê khai, nộp thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán theo quy định. Trong đó, giá mua để làm căn cứ tính thu nhập chịu thuế TNDN khi chuyển nhượng số cổ phiếu này là giá trị cổ tức được nhận. (**CV số 857/TCT-DNL ngày 17/03/2014**)
13. **Ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp mới thành lập:** Trường hợp Công ty thành lập năm 2008 trong đó Giám đốc - người có số vốn góp cao nhất trong Công ty, đồng thời cũng là Giám đốc - người có số vốn góp cao nhất trong Công ty khác đang hoạt động, nếu Công ty đáp ứng các điều kiện về ưu đãi về thuế TNDN theo quy định, không phải là dự án đầu tư mở rộng của doanh nghiệp khác đang hoạt động và không thuộc các trường hợp không hưởng ưu đãi theo diện cơ sở kinh doanh mới thành lập thì Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo diện cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư. (**CV số 797/TCT-CS ngày 13/03/2014**)
14. **Ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư mở rộng:** Trường hợp Công ty có thực hiện trồng rừng từ năm 2003 là dự án đầu tư mở rộng của Công ty:



Nếu dự án đầu tư mở rộng sản xuất đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 đang đầu tư xây dựng dở dang và trong năm 2009 hoàn thành đi vào sản xuất, kinh doanh thì tiếp tục được hưởng thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng mang lại.

Nếu dự án đầu tư mở rộng hoàn thành đi vào sản xuất kinh doanh năm 2010 thì phần thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng mang lại không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Về thông báo với cơ quan thuế các dự án đầu tư mở rộng sản xuất đang đầu tư xây dựng dở dang khi nộp tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế năm 2008, nếu doanh nghiệp có dự án đầu tư mở rộng sản xuất đến hết ngày 31/12/2008 vẫn còn đang đầu tư xây dựng dở dang, trong năm 2009 đã hoàn thành đi vào sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định. Đối với hành vi vi phạm của doanh nghiệp về việc không nộp hoặc nộp thông báo về dự án đầu tư mở rộng đang đầu tư xây dựng dở dang không đúng thời hạn quy định thì tùy vào mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm thủ tục về thuế theo đúng quy định của pháp luật.

**(CV số 721/TCT-CS ngày 10/03/2014)**

15. **Kê khai thuế đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản:** Doanh nghiệp kê khai và nộp thuế thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản đối với phần thu nhập từ chuyển nhượng nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất tại cơ quan thuế nơi có bất động sản được chuyển nhượng. **(CV số 711/TCT-CS ngày 10/03/2014)**

16. **Chính sách thuế đối với TSCĐ là nhà đi thuê, mượn:** Theo quy định của Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành có quy định nguyên tắc xác định các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau: khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Trường hợp doanh nghiệp thuê nhà hoặc mượn nhà không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào và không được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ đối với các chi phí đầu tư nâng cấp TSCĐ hoặc chi phí tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện TSCĐ là nhà đi thuê, đi mượn.

**(CV số 677/TCT-CS ngày 06/03/2014)**

17. **Chính sách thuế đối với TSCĐ chuyển thành CCDC:** Đối với các TSCĐ của doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá TSCĐ theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 24/5/2013 của Bộ Tài chính thì giá trị còn lại của tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư số 45/2013/TT-BTC là ngày 10/6/2013. Việc xác định chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN thì thực hiện theo quy định tại điểm d, khoản 2.2, điều 6 Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính. **(CV số 661/TCT-CS ngày 05/03/2014)**

18. **Chính sách ưu đãi thuế TNDN:** Trường hợp năm 2012 Công ty bị chấm dứt ưu đãi thuế TNDN đối với điều kiện tỷ lệ xuất khẩu theo cam kết WTO thì được lựa chọn để được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại tương ứng với điều kiện sử dụng nhiều lao động quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 25/10/2006, trước ngày Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 có hiệu lực thi hành). Đối với điều kiện về sử dụng lao động trên 500 người thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 20% trong 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ. Nếu năm 2012 Công ty đáp ứng điều kiện sử dụng thường xuyên từ 500 đến 5000 lao động thì năm 2012 là năm cuối cùng Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 20%. **(CV số 585/TCT-CS ngày 27/02/2013)**

19. **Chính sách thuế TNDN đối với lĩnh vực xã hội hóa giáo dục đào tạo:** Theo Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/5/2013, trong đó đã sửa đổi quy định đối với Trường Đại học, cao đẳng được phép hoạt động đào tạo phải đáp ứng điều kiện Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo tối thiểu 2m<sup>2</sup>/1 sinh viên thay cho điều kiện diện tích đất tối thiểu quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg.

Theo đó, trường học trường Đại học thành lập năm 2006, bắt đầu có thu nhập chịu thuế từ hoạt động giáo dục đào tạo từ năm 2009. Trường đáp ứng điều kiện diện tích đất tối thiểu/sinh viên theo Quyết định số 693/QĐ-TTg thì được hưởng ưu đãi thuế TNDN (bao gồm ưu đãi về thuế suất và thời gian miễn, giảm thuế) đối với phần thu nhập từ hoạt động xã hội hóa giáo dục - đào tạo theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/05/2008 của Chính phủ kể từ thời điểm năm 2009. Trường phải thực hiện hạch toán riêng phần thu nhập từ hoạt động xã hội hóa giáo dục - đào tạo được hưởng ưu đãi thuế TNDN. Thu nhập từ hoạt động khác của Trường không phải thu nhập từ hoạt động xã hội hóa giáo dục - đào tạo thì thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. **(CV số 1327/BTC-TCT ngày 24/02/2014)**

20. **Hướng dẫn thu thuế nhà thầu:**

Trường hợp Công ty có nhập khẩu linh kiện, khung gầm, động cơ có kèm theo dịch vụ bảo hành từ các Nhà thầu nước ngoài (Nhà thầu không trực tiếp kê khai và nộp thuế tại Việt Nam) có trách nhiệm khấu trừ và nộp thay cho các Nhà thầu này số thuế GTGT, thuế TNDN phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ bảo hành linh kiện, khung gầm,

động cơ theo đúng quy định tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 và Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12/4/2012 của Bộ Tài chính. **(CV số 261/TCT-CC ngày 21/01/2014)**

## THUẾ TNCN

1. **Chính sách thuế TNCN đối với hộ, cá nhân cho thuê tài sản:** - Hộ, cá nhân cho thuê tài sản thực hiện khai thuế, nộp thuế và được tính giảm trừ gia cảnh theo hướng dẫn tại Điều 22 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính. Trường hợp hộ, cá nhân không kinh doanh có tài sản như cho thuê nhà làm văn phòng, cho thuê nhà, đất làm địa điểm đặt trạm phát sóng ... mà tiền cho thuê hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, cơ quan thuế không cấp hóa đơn lẻ, cơ sở đi thuê phải sử dụng Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào theo quy định của pháp luật về thuế TNDN kèm theo hợp đồng thuê địa điểm và chứng từ thanh toán để làm chứng từ hạch toán chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Trường hợp cơ quan thuế đã cấp hóa đơn và tính thuế TNCN hoặc doanh nghiệp đã khấu trừ thuế TNCN 10% trước khi trả tiền thuê cho cá nhân, đồng thời cá nhân xác định thuộc đối tượng có doanh thu cho thuê hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống thì cơ quan Thuế xem xét hoàn thuế TNCN theo quy định nếu cá nhân có yêu cầu quyết toán thuế TNCN, hoàn thuế **(CV số 2466/TCT-TNCN ngày 30/6/2014)**.

2. **Khấu trừ thuế TNCN đối với khoản chi trả thu nhập cho cá nhân kinh doanh:** Trường hợp Doanh nghiệp chi tiền thường cho cá nhân đạt doanh số mua hàng, chi tiền hỗ trợ bán hàng, chi tiền lãi do chậm thanh toán hợp đồng cho cá nhân thì Doanh nghiệp có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% (hoặc 20% đối với cá nhân không có mã số thuế nếu phát sinh trước tháng 07 năm 2013) và cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN nếu cá nhân có yêu cầu **(CV số 2465/TCT-TNCN ngày 30/6/2014)**.
3. **Thuế TNCN đối với các chuyên gia nước ngoài thực hiện dự án ODA:** Chuyên gia nước ngoài làm việc cho nhà thầu phụ thuộc dự án ODA tại Việt Nam không thuộc đối tượng miễn thuế thu nhập cá nhân theo Quyết định 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 do các chuyên gia làm việc nhà thầu phụ không ký hợp đồng trực tiếp với "Bên nước ngoài" hay "Bên Việt Nam" **(CV số 2269/TCT-TNCN ngày 18/6/2014)**.
4. **Hồ sơ miễn giảm thuế TNCN bệnh hiểm nghèo:** Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công đồng thời thuộc diện miễn, giảm thuế do mắc bệnh hiểm nghèo trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế nơi cư trú và được hoàn thuế (nếu có). Trong hồ sơ đề nghị giảm thuế do mắc bệnh hiểm nghèo phải có tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo mẫu 09/KK-TNCN. Trường hợp cá nhân đã ủy quyền quyết toán thuế thì cá nhân yêu cầu tổ chức quyết toán thay cấp chứng từ khấu trừ thuế để làm hồ sơ quyết toán tại cơ quan thuế nơi cư trú theo quy định **(CV số 2268/TCT-TNCN ngày 18/06/2014)**.
5. **Thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng cầu thủ bóng đá:** Trong năm 2013 Công ty ký Biên bản thỏa thuận với cầu thủ (người lao động) để mời cầu thủ về thi đấu cho CLB bóng đá của Công ty, mức phí ký hợp đồng cố định tùy theo năng lực từng cầu thủ với thời gian thi đấu nhất định, ví dụ cầu thủ A là 2.100.000.000 đồng/2 năm, ngoài ra trả lương 45.000.000 đồng/tháng thì thu nhập theo Hợp đồng nêu trên gồm thu nhập được trả cố định trong 2 năm và khoản thu nhập trả hàng tháng được xác định là thu nhập từ tiền lương, tiền công để tính thuế thu nhập cá nhân theo Biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công **(CV số 2151/TCT-TNCN ngày 10/06/2014)**.
6. **Chính sách thuế TNCN đối với thu nhập từ hoạt động bảo lãnh tín dụng:** Trường hợp cá nhân có thu nhập từ hoạt động bảo lãnh tín dụng tại ngân hàng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn vay cho doanh nghiệp thì thu nhập nêu trên kê khai, nộp thuế như sau:

Nếu cá nhân nước ngoài là thương nhân thì được xác định là cá nhân kinh doanh, thu nhập từ bảo lãnh tín dụng chịu thuế theo quy định đối với nhà thầu gồm thuế GTGT và thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh. Đối với thuế TNCN, cá nhân khai trực tiếp với cơ quan thuế (nếu là cá nhân cư trú) hoặc đơn vị chi trả thu nhập khấu trừ theo thuế suất 5% (nếu là cá nhân không cư trú).

Nếu cá nhân nước ngoài không phải là thương nhân thì không được xác định là cá nhân kinh doanh, thu nhập từ bảo lãnh tín dụng là hoạt động cung cấp dịch vụ chịu thuế TNCN đối với thu nhập tiền lương, tiền công. Đơn vị chi trả thu nhập khấu trừ thuế TNCN thuế suất 10% (nếu là cá nhân cư trú) hoặc thuế suất 20% (nếu là cá nhân không cư trú).

Cá nhân nước ngoài là thương nhân phải có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nước ngoài hoặc các giấy tờ chứng minh là thương nhân được pháp luật nước ngoài công nhận. Các giấy tờ, tài liệu nước ngoài khi sử dụng ở Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự **(CV số 2089/TCT-TNCN ngày 05/06/2014)**.

7. **Hoàn thuế thu nhập cá nhân:** - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không thông qua hệ thống giao dịch chứng khoán thì thực hiện nộp hồ sơ quyết toán thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú.

Trình tự giải quyết hồ sơ quyết toán thuế, hoàn thuế cho cá nhân có yêu cầu hoàn thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán như sau: sau khi tiếp nhận, phân loại, hồ sơ được chuyển đến Phòng quản lý thuế TNCN (tại Chi cục thuế) hoặc Đội quản lý thuế TNCN (tại chi cục Thuế) để giải quyết theo quy định. Trường hợp, tại cơ quan thuế không có Phòng quản lý thuế TNCN hoặc Đội quản lý thuế TNCN thì hồ sơ quyết toán thuế, hoàn

thuế được chuyển đến Phòng/Đội có chức năng, nhiệm vụ quản lý thuế TNCN theo quy định riêng của Cơ quan thuế đó **(CV số 1746/TCT-TNCN ngày 16/5/2014)**.

8. **Khấu trừ thuế TNCN:** Tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho các cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 (ba) tháng có tổng mức thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thực hiện khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập. Trường hợp những cá nhân này đã đăng ký thuế và có mã số thuế, chỉ có duy nhất thu nhập, nhưng ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế thì cá nhân có thu nhập làm cam kết theo mẫu số 23/CK-TNCN (Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính) gửi tổ chức trả thu nhập để tổ chức trả thu nhập làm căn cứ tạm thời chưa thực hiện khấu trừ 10% thuế thu nhập cá nhân **(CV số 1423/TCT-TNCN ngày 26/04/2014)**.

9. **Chính sách thuế thu nhập cá nhân:** Khoản hỗ trợ của tổ chức trả thu nhập hỗ trợ cho cá nhân mắc bệnh hiểm nghèo được xác định là thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN và không được coi là có tính chất tương tự như khoản bồi thường từ tổ chức bảo hiểm để tính trừ trong công thức xác định số thuế TNCN được giảm.

Trường hợp cá nhân mắc bệnh hiểm nghèo đề nghị xét giảm thuế TNCN thì hồ sơ xét giảm thuế TNCN không bắt buộc phải có chứng từ do cơ quan bảo hiểm chi trả **(CV số 1079/TCT-TNCN ngày 01/4/2014)**.

10. **Chính sách thuế đối với nhà thầu nước ngoài:** Trường hợp Công ty và nhà thầu nước ngoài ký Hợp đồng cơ bản để nhập khẩu dây chuyền sản xuất xi măng đồng bộ và mới, bao gồm thiết kế công nghệ, thiết bị, vật tư kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật và đào tạo để xây dựng nhà máy xi măng. Sau đó, hai bên ký Phụ lục hợp đồng nhằm hủy bỏ điều khoản dịch vụ kỹ thuật và đào tạo tại Hợp đồng cơ bản, Hợp đồng cơ bản chỉ còn phần việc thiết kế và tài liệu kỹ thuật, cung cấp thiết bị cơ điện và vật tư dự phòng thì giá trị Hợp đồng cơ bản sau khi ký phụ lục hợp đồng thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu. **(CV số 715/TCT-CS ngày 10/03/2014)**

11. **Giải đáp vướng mắc về thuế bảo vệ môi trường:** Trường hợp nếu Công ty được hoàn lại số tiền thuế bảo vệ môi trường đã nộp từ ngày 1/1/2012 đến ngày 14/11/2012 thì đối với điều chỉnh giảm số thuế bảo vệ môi trường đã nộp, điều chỉnh tăng thu nhập khác (đối với hàng hóa đã bán) hoặc điều chỉnh giảm chi phí hàng tồn kho (đối với hàng hóa còn tồn kho), không điều chỉnh hóa đơn và giảm giá tính thuế giá trị gia tăng. Đối với việc hoàn trả thuế bảo vệ môi trường cho người mua bao bì là thỏa thuận giữa bên mua và bên bán theo quy định của pháp luật dân sự.

Trường hợp từ ngày 15/11/2012 trở đi sản phẩm túi ni lông thuộc đối tượng không phải kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, Công ty vẫn tiến hành lập hóa đơn có thuế bảo vệ môi trường thì lập hóa đơn điều chỉnh theo quy định tại Điểm 3, Điều 18, Thông tư số 64/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

**(CV số 719/TCT-CS ngày 10/03/2014)**

12. **Miễn thuế TNCN đối với nhà ở, đất ở duy nhất:** Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở, đất ở đã trên 183 ngày, nay được cấp lại Giấy chứng nhận mới theo quy định pháp luật về cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở, quyền sử dụng đất ở, thì được miễn thuế cho nhà ở duy nhất khi chuyển nhượng, mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới chưa đủ 183 ngày. Đối với trường hợp này, khi khai nộp thuế TNCN người nộp thuế phải chứng minh giấy chứng nhận mới được cấp là giấy được cấp đổi, những nội dung trong Giấy chứng nhận được cấp đổi không làm thay đổi quyền sử hữu và sử dụng của người được cấp đổi cũng như hiện trạng của thửa đất và tài sản gắn liền với đất. **(CV số 811/TCT-TNCN ngày 13/03/2014)**

13. **Hướng dẫn quyết toán thuế TNCN:** Ngày 24 tháng 01 năm 2014, Tổng cục thuế đã có văn bản Công văn số 336/TCT-TNCN về việc hướng dẫn quyết toán thuế thu nhập cá nhân (TNCN) năm 2013, Nội dung hướng dẫn cụ thể như sau:

Các trường hợp phải khai và quyết toán thuế TNCN

- Tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập thuộc diện chịu thuế TNCN phải quyết toán thuế thay cho cá nhân có ủy quyền
- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công, kinh doanh, hoạt động đại lý, bán hàng đa cấp, có thu nhập chuyển nhượng chứng khoán có yêu cầu áp thuế 20% phải thực hiện quyết toán thuế TNCN
- Các tổ chức, doanh nghiệp sáp nhập, giải thể, phá sản... phải quyết toán thuế TNCN đối với số thuế đã khấu trừ trước 45 ngày

Các trường hợp được ủy quyền quyết toán

- Cá nhân chỉ có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng từ hợp đồng trên 03 tháng thì ủy quyền quyết toán kể cả không làm việc đủ 12 tháng
- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng từ hợp đồng trên 03 tháng đồng thời có thu nhập vắng lai khác có thể ủy quyền cho đơn vị chi trả thu nhập hoặc trực tiếp quyết toán

Các trường hợp không được ủy quyền quyết toán

- Các cá nhân đã được tổ chức chi trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN thì không ủy quyền cho tổ chức đó - trừ khi tổ chức đó đã thu hồi chứng từ khấu trừ thuế

- Các cá nhân không đủ điều kiện ủy quyền quyết toán thì phải trực tiếp quyết toán với cơ quan thuế

Giảm trừ gia cảnh

- Cá nhân trong kỳ chưa tính giảm trừ cho bản thân, người phụ thuộc đủ 12 tháng thì được tính giảm trừ đủ 12 tháng
- Giảm trừ gia cảnh người phụ thuộc được tính kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng

Xác định thu nhập bình quân chịu thuế TNCN

- Từ giai đoạn 01/01/2013 đến 30/06/2013: giảm trừ bản thân là 4.000.000 đồng/tháng
- Từ giai đoạn 01/07/2013 đến 31/12/2013: giảm trừ bản thân là 9.000.000 đồng/tháng
- Thu nhập bình quân năm 2013 xác định như sau:

Thu nhập tính thuế bình quân tháng = (Tổng thu nhập chịu thuế - Tổng các khoản giảm trừ) / 12 tháng

Ví dụ: Thu nhập của ông Nam trong năm 2013 như sau:

Từ tháng 01/2013 đến tháng 06/2013 ông Nam được chi trả tiền lương với giá trị 10.000.000 đồng/tháng

Từ tháng 07/2013 đến tháng 12/2013 ông Nam được chi trả tiền lương với giá trị 10.000.000 đồng/tháng  
Ông Nam có một người phụ thuộc trong cả năm

Vậy thuế TNCN của Ông Nam được tính như sau:

Tổng thu nhập chịu thuế trong năm:  $(10.000.000 \times 6) + (10.000.000 \times 6) = 120.000.000$

Tổng các khoản giảm trừ trong năm:  $(4.000.000 + 1.600.000) \times 6 + (9.000.000 + 3.600.000) \times 6 = 109.200.000$

Thu nhập tính thuế TNCN:  $120.000.000 - 109.200.000 = 10.800.000$

Thu nhập tính thuế bình quân tháng bình quân tháng:  $10.800.000/12=900.000$

Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán chậm nhất là ngày 31/3/2014 (**CV số 336/TCT-TNCN ngày 24/01/2014**).

#### 14. Thuế TNCN đối với hộ kinh doanh nộp thuế khoán:

*Đối với hộ khoán sử dụng hóa đơn*

Đối với hộ nộp thuế khoán nếu có nhu cầu sử dụng hóa đơn thường xuyên thì cơ quan thuế bán hóa đơn quyền và nộp bổ sung thuế nếu doanh thu trên hóa đơn cao hơn doanh thu khoán.

Đối với hộ khoán không có nhu cầu sử dụng hóa đơn thường xuyên thì cơ quan thuế bán hóa đơn bán lẻ theo từng số, doanh thu trên hóa đơn lẻ là doanh thu ngoài khoán, cá nhân khai thuế theo từng lần phát sinh và nộp thuế ngay khi nhận hóa đơn mà không trừ vào số thuế khoán phải nộp.

*Đối với hộ cho thuê nhà*

Căn cứ các quy định nêu trên thì hộ cho thuê nhà được xác định là hộ nộp thuế theo kê khai, không phải hộ nộp thuế khoán. Việc lập bộ để thu theo hình thức khoán đối với hộ cho thuê nhà chỉ áp dụng đối với trường hợp không có hợp đồng, không xác định được doanh thu.

Trường hợp hộ cho thuê nhà không có hợp đồng dẫn đến việc cơ quan thuế phải ấn định thì nộp thuế theo phương pháp khoán như các hộ kinh doanh khác, nếu có phát sinh nhu cầu sử dụng hóa đơn bán lẻ theo từng số thì nộp thuế theo từng lần phát sinh hóa đơn.

*Về việc quyết toán đối với hộ kinh doanh*

Đối với hộ kinh doanh chỉ có thu nhập từ kinh doanh đã nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc hộ chỉ có thu nhập từ cho thuê nhà đã nộp thuế theo kê khai thì không có trách nhiệm quyết toán thuế TNCN.

Đối với hộ nộp thuế theo phương pháp khoán đồng thời cho thu nhập từ cho thuê nhà đã nộp thuế theo kê khai quyết toán thuế TNCN đối với tổng thu nhập phát sinh trong năm tính thuế bao gồm thu nhập từ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán và cho thuê nhà nếu có phát sinh số thuế phải nộp thêm hoặc có phát sinh số thuế nộp thừa đề nghị hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ khai thuế tiếp theo (**CV số 231 & 232/TCT-TNCN ngày 17/01/2014**).

### THUẾ KHÁC, PHÍ VÀ LỆ PHÍ

1. **Miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:** Đối với tổ chức có đất thuộc đối tượng được miễn giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thì thủ tướng cơ quan thuế nơi người nộp thuế nộp hồ sơ miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là người ban hành quyết định miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (**CV số 2358/TCT-CS ngày 23/6/2014**).

2. Thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường đối với tài nguyên khai thác trái phép:

Trường hợp tổ chức, cá nhân có khai thác tài nguyên thiên nhiên (rừng, khoáng sản) trái phép như khai thác không có giấy phép hoặc chưa đăng ký, chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; khai thác khi giấy phép khai thác đã hết hạn nhưng chưa nộp đơn xin gia hạn; khai thác vượt quá sản lượng cho phép ghi trên giấy phép; khai thác ngoài khu vực được phép khai thác ghi trên giấy phép thì:

Trường hợp tài nguyên khai thác trái phép bị bắt giữ, tịch thu thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên và được phép bán ra thì tổ chức được giao bán phải nộp thuế tài nguyên trước khi trích các khoản chi phí liên quan đến hoạt động bắt giữ, bán đấu giá, trích thưởng theo chế độ quy định.

Trường hợp tài nguyên khai thác trái phép nêu trên thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên thì tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên phải nộp thuế tài nguyên đối với sản lượng tài nguyên thực tế đã khai thác trong kỳ theo quy định.

Tổ chức, cá nhân khai thác các loại khoáng sản thuộc đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với số lượng khoáng sản thực tế đã khai thác trong kỳ

3. Hướng dẫn thu tiền sử dụng đất: Ngày 16/6/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 76/2014/TT-BTC về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

Theo đó, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp dưới hình thức trả tiền thuê đất 01 lần cho cả thời gian thuê, khi được chuyển mục đích sang đất ở phải nộp tiền sử dụng đất bằng mức chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở trừ đi tiền thuê đất phải nộp 01 lần tính theo giá đất phi nông nghiệp của thời hạn thuê đất còn lại tại thời điểm được cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Đối với đất chuyển mục đích sử dụng là đất nhận chuyển nhượng, có nguồn gốc đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư không được công nhận là đất ở thì tiền sử dụng đất phải nộp bằng 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp.

Ngoài ra, hộ gia đình, cá nhân được chuyển mục đích sử dụng đất, được cấp Giấy chứng nhận phải nộp tiền sử dụng đất và hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất tái định cư mà có khó khăn về tài chính, có thể nộp đơn đề nghị được ghi nợ tiền sử dụng đất kèm theo hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận; giao đất tái định cư; hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất hoặc có đơn xin ghi nợ khi nhận thông báo nộp tiền sử dụng đất về Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất.

Sau 05 năm kể từ ngày ghi nợ, hộ gia đình, cá nhân mới thanh toán nợ hoặc trong thời hạn 05 năm mà chưa thanh toán hết nợ thì số tiền sử dụng đất còn nợ đối với từng loại diện tích trong hạn mức và ngoài hạn mức được quy đổi ra tỷ lệ chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

Thông tư này có hiệu lực thi hành 01/8/2014, thay thế Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011, Thông tư số 70/2006/TT-BTC ngày 02/8/2006, Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004.

4. Miễn tiền thuê đất nông nghiệp nếu thiệt hại trên 40% sản lượng: Ngày 16/6/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 77/2014/TT-BTC về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Theo đó, việc giảm tiền thuê đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối mà bị thiên tai, hoả hoạn làm thiệt hại được thực hiện như sau: Nếu thiệt hại dưới 40% sản lượng, được xét giảm tiền thuê đất theo tỷ lệ % tương ứng với tỷ lệ % thiệt hại; nếu thiệt hại từ 40% sản lượng trở lên, được xét miễn tiền thuê đất đối với năm bị thiệt hại.

Người được Nhà nước cho thuê đất chỉ được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất sau khi làm các thủ tục để được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định. Trường hợp thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất nhưng người được Nhà nước cho thuê đất không làm thủ tục để được miễn, giảm tiền thuê đất thì phải nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp chậm làm thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất thì khoảng thời gian chậm làm thủ tục không được miễn, giảm tiền thuê đất.

Trong quá trình quản lý, theo dõi, nếu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện người sử dụng đất đã được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP nhưng không đáp ứng các điều kiện để được miễn, giảm tiền thuê đất có nguyên nhân từ phía người sử dụng đất hoặc sử dụng đất không đúng mục đích đã được ghi tại quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất nhưng không thuộc trường hợp bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì cơ quan thuế xác định, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với hộ gia đình, cá nhân) quyết định thu hồi số tiền thuê đất được miễn, giảm theo quy định về chính sách và giá đất tại thời điểm được miễn, giảm tiền thuê đất cộng thêm tiền chậm nộp tính trên số tiền thuê đất được miễn, giảm theo mức quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2014, thay thế Thông tư số 94/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011, Thông tư số 141/2007/TT-BTC ngày 30/11/2007, Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005.

5. Quy định mới về giá đất:

Ngày 15/5/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 44/2014/NĐ-CP về việc quy định về giá đất.

Theo đó, đối với đất ở tại đô thị; đất thương mại, dịch vụ tại đô thị; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ tại đô thị có khả năng sinh lợi cao, có lợi thế trong việc sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh, thương mại và dịch vụ thì căn cứ vào thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định mức giá đất cao hơn nhưng không quá 30% so với mức giá tối đa của cùng loại đất trong khung giá đất; trường hợp quy định mức giá đất cao hơn 30% phải báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định.

Đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư, trong địa giới hành chính phường thì căn cứ vào thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định mức giá đất cao hơn nhưng không quá 50% so với mức giá tối đa của cùng loại đất trong khung giá đất.

Bảng giá đất sẽ được điều chỉnh trong trường hợp Chính phủ điều chỉnh khung giá đất mà mức giá đất điều chỉnh tăng từ 20% trở lên so với giá đất tối đa hoặc giảm từ 20% trở lên so với giá đất tối thiểu trong bảng giá đất của loại đất tương tự; hoặc khi giá đất phổ biến trên thị trường tăng từ 20% trở lên so với giá đất tối đa hoặc giảm từ 20% trở lên so với giá đất tối thiểu trong bảng giá đất trong khoảng thời gian từ 180 ngày trở lên.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2014 và thay thế Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/07/2007; Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004.

6. Chính sách thu tiền sử dụng đất: Đất rừng sản xuất thuộc nhóm đất nông nghiệp, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa thuộc nhóm đất phi nông nghiệp theo quy định tại Điều 13 Luật Đất đai 2003. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng nghĩa trang được nhà nước cấp đất xây dựng nghĩa trang lâu dài và không thu tiền sử dụng đất. Trường hợp cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng từ đất rừng sản xuất sang đất làm nghĩa trang, nghĩa địa thì không thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích từ đất rừng sản xuất sang đất làm nghĩa trang, nghĩa địa (**CV số 1375/TCT-CS ngày 24/4/2014**).

7. Hướng dẫn gia hạn nộp tiền sử dụng đất theo Nghị quyết số 01/NQ-CP: Ngày 22/4/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 48/2014/TT-BTC về việc hướng dẫn thực hiện việc gia hạn nộp tiền sử dụng đất, tiền mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014.

Theo đó, đối tượng được áp dụng gia hạn nộp tiền sử dụng đất là các chủ đầu tư dự án bất động sản được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà chủ đầu tư đã được bàn giao đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà để bán, cho thuê, cho thuê mua; dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê; dự án đầu tư xây dựng công trình có nhiều mục đích sử dụng khác nhau trong đó có mục đích xây dựng nhà để bán, cho thuê, cho thuê mua theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản chưa nộp tiền sử dụng đất.

Điều kiện được gia hạn nộp tiền sử dụng đất như sau (1) chưa được gia hạn nộp tiền sử dụng đất theo Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ hoặc Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/1/2013 của Chính phủ; (2) Kết quả tài chính của dự án tính đến ngày 31/12/2013 là lỗ hoặc có giá trị hàng tồn kho của dự án lớn hoặc doanh nghiệp đã phát sinh chi phí đầu tư của dự án lớn nhưng chưa có doanh thu do chưa bán được hàng.

Thời gian được xem xét gia hạn nộp tiền sử dụng đất tối đa là 24 tháng kể từ ngày phải nộp tiền sử dụng đất theo thông báo lần đầu của cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với trường hợp không có thông báo của cơ quan thuế) và không bị tính tiền chậm nộp trong thời gian này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/6/2014.

8. Chính sách miễn giảm tiền thuê đất: Trường hợp các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp được xác định hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ theo quy định tại Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Luật Thương mại, các văn bản hướng dẫn Luật thương mại hoặc các văn bản pháp luật có liên quan. Nếu đang được nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm. Từ năm 2011 có số tiền thuê đất xác định lại theo quy định tại Nghị định số 121/21010/NĐ-CP của Chính phủ lớn hơn 2 lần so với năm 2010 thì thuộc đối tượng được xem xét giảm tiền thuê đất theo Nghị quyết số 13/NQ-CP của Chính phủ và Thông tư số 83/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính nếu đáp ứng điều kiện, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. (**CV số 580/TCT-CS ngày 27/02/2014**)
9. Chính sách thu tiền sử dụng đất: Đất trồng lúa nước và đất trồng cây lâu năm đều thuộc nhóm đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Đất đai 2003. Việc chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa nước sang đất trồng cây lâu năm phải được phép của cơ quan có thẩm quyền. Pháp luật hiện hành chưa có quy định nghĩa vụ tài chính khi chuyển mục đích từ đất trồng lúa nước sang đất trồng cây lâu năm (**CV số 221/TCT-CS ngày 17/01/2013**).

**QUẢN LÝ THUẾ**

1. Phân loại hồ sơ thuế điện kiểm tra trước khi hoàn thuế:

Người nộp thuế có một trong các hành vi trốn thuế, gian lận thuế quy định tại Điều 108 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 và Khoản 34 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thì bị xử phạt đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

Trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận thuế nêu trên, người nộp thuế có hồ sơ đề nghị hoàn thuế thì cơ quan thuế thực hiện phân loại kiểm tra trước khi hoàn thuế theo quy định tại Khoản 2 Điều 58 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

Trường hợp người nộp thuế có nhiều lần đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận thuế, cơ quan thuế căn cứ theo nội dung đã quy định tại Khoản 2 Điều 58 Thông tư số 156/2013/TT-BTC để phân loại hồ sơ đề nghị hoàn thuế lần tiếp theo của người nộp thuế (**CV số 1406/TCT-KK ngày 25/4/2014**).

2. **Áp dụng phương pháp khoán thuế:** Luật Quản lý thuế chỉ quy định phương pháp khoán thuế áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đáp ứng các điều kiện quy định. Do đó, đối với các doanh nghiệp khai thác mỏ cát không thuộc đối tượng được áp dụng phương pháp khoán thuế theo quy định tại Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp doanh nghiệp theo phương pháp kê khai, qua kiểm tra, thanh tra thuế có căn cứ chứng minh doanh nghiệp hạch toán kế toán không đúng quy định, số liệu trên sổ sách kế toán không phản ánh chính xác sản lượng cát thực tế khai thác thì Cục Thuế ấn định sản lượng cát tính thuế (**CV số 1276/TCT-CS ngày 18/4/2014**).

3. **Xử phạt hành chính về hóa đơn:**

Ngày 17/01/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 10/2014/TT-BTC về việc hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn.

Theo đó, tổ chức tự in hóa đơn giả (trừ trường hợp do lỗi khách quan của phần mềm tự in hóa đơn) hoặc khởi tạo hóa đơn điện tử giả sẽ bị phạt tiền từ 20 - 50 triệu đồng và bị đình chỉ quyền tự in hóa đơn, quyền khởi tạo hóa đơn điện tử từ 01 - 03 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành.

Mức phạt trên cũng áp dụng đối với tổ chức có hành vi đặt in hóa đơn giả; in hóa đơn giả; cho, bán hóa đơn đã mua nhưng chưa lập và tổ chức sử dụng hóa đơn bất hợp pháp hoặc sử dụng bất hợp pháp hóa đơn...

Bên cạnh đó, các nội dung quy định bắt buộc phải đúng trên hoá đơn tự in, hoá đơn điện tử là ký hiệu hoá đơn, ký hiệu mẫu hoá đơn, số hoá đơn. Phạt tiền từ 2 triệu đồng đến 4 triệu đồng đối với hành vi tự in hoá đơn, khởi tạo hoá đơn điện tử không đủ một trong các nội dung bắt buộc phải đúng như trên.

Phạt tiền từ 4 triệu đồng đến 8 triệu đồng đối với một trong các hành vi: Tự in hóa đơn hoặc khởi tạo hóa đơn điện tử khi không đủ các điều kiện quy định; Cung cấp phần mềm tự in hoá đơn không đảm bảo nguyên tắc theo quy định hoặc hoá đơn khi in ra không đáp ứng đủ nội dung quy định.

Đối với hành vi đặt in hóa đơn mà không ký hợp đồng in bằng văn bản, phạt tiền từ 2 triệu đồng đến 4 triệu đồng đối với cả bên đặt in và bên nhận in hoá đơn.

Phạt tiền từ 2 triệu đồng đến 4 triệu đồng đối với hành vi làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập (liên giao cho người mua) để hạch toán kế toán, kê khai thuế và thanh toán vốn ngân sách, trừ trường hợp mất, cháy, hỏng hoá đơn do thiên tai, hoả hoạn.

Trường hợp người mua tìm lại được hoá đơn đã mất và báo cáo lại với cơ quan thuế trước khi cơ quan thuế ban hành quyết định xử phạt thì người mua không bị phạt tiền.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 2/3/2014.

4. **Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế:** Ngày 31/12/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 215/2013/TT-BTC về việc hướng dẫn về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

Theo đó, các biện pháp cưỡng chế bao gồm: Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng; yêu cầu phong tỏa tài khoản; khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập; thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng; kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên theo quy định của pháp luật để thu tiền thuế nợ, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách Nhà nước; thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang giữ và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép hành nghề.

Người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế đã quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, hết thời hạn gia hạn nộp thuế; người nộp thuế còn nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền thuế có hành vi bỏ trốn, tẩu tán tài sản hoặc không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế... sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế

Quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày ghi trong quyết định cưỡng chế. Riêng quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế có hiệu lực thi hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ghi trong quyết định cưỡng chế.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/02/2014, bãi bỏ Thông tư số 157/2007/TT-BTC ngày 24/12/2007.

**XUẤT- NHẬP KHẨU**

**1. Hướng dẫn về hoàn thuế GTGT nộp thừa đối với hàng nhập khẩu:**

Trường hợp người nộp thuế nộp nhầm, nộp thừa thuế GTGT hàng nhập khẩu cho cơ quan Hải quan trong năm ngân sách, trước khi kết thúc thời hạn chỉnh lý quyết toán ngân sách nhà nước năm đó mà người nộp thuế hoặc cơ quan Hải quan phát hiện thì thực hiện điều chỉnh thu ngân sách Nhà nước theo mẫu C1-07/NS. Đồng thời, người nộp thuế nộp bản chính Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước, cơ quan Hải quan xác nhận, ký tên, đóng dấu đơn vị lên mặt trước bản chính của Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số tiền thuế GTGT điều chỉnh sang khoản thuế khác để chuyển Kho bạc Nhà nước hạch toán điều chỉnh thu ngân sách Nhà nước.

Trường hợp người nộp thuế không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp và đề nghị được hoàn trả khoản thuế nộp nhầm, nộp thừa thì cơ quan Hải quan ban hành quyết định hoàn tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo mẫu đính kèm, lập lệnh hoàn trả khoản thu NSNN (theo mẫu 01/LHT) gửi Kho bạc Nhà nước nơi đã hạch toán thu NSNN đối với khoản thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa để thực hiện giảm thu ngân sách và hoàn trả cho người nộp thuế theo quy định.

Trường hợp khoản thuế GTGT hàng nhập khẩu đã nộp, được hoàn trả ngoài năm ngân sách: Cơ quan hải quan nơi người nhập khẩu mở tờ khai tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế, ban hành quyết định hoàn tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo mẫu đính kèm, lập lệnh hoàn trả khoản thu NSNN (theo mẫu 01/LHT) gửi Kho bạc Nhà nước nơi đã hạch toán thu NSNN đối với khoản thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa để thực hiện chi ngân sách và hoàn trả cho người nộp thuế theo quy định.

Người nộp thuế có trách nhiệm tự kê khai điều chỉnh số thuế GTGT đã được cơ quan Hải quan hoàn nhưng đã kê khai, khấu trừ hoặc đã được hoàn thuế nội địa trước đó với cơ quan thuế trực tiếp quản lý người nộp thuế (**CV số 5554/TCHQ-TXNK ngày 19/5/2014**).

**2. Sử dụng hóa đơn xuất khẩu:** Từ ngày 01/3/2014 các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh đã phát hành hóa đơn xuất khẩu nếu có nhu cầu vẫn được tiếp tục sử dụng hóa đơn xuất khẩu.

Từ ngày 01/6/2014 cơ quan thuế không tiếp nhận thông báo phát hành hóa đơn xuất khẩu.

Đối với hóa đơn xuất khẩu đã thông báo phát hành trước ngày 01/6/2014 thì doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh đăng ký số lượng hóa đơn xuất khẩu còn tồn chưa sử dụng gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 31/7/2014 để được tiếp tục sử dụng (**CV số 1412/TCT-CS ngày 25/04/2014**).

**3. Tự động đánh giá điều kiện ân hạn thuế:** Qua thực tế triển khai Hệ thống VNACCS/VCIS, tại một số đơn vị hải quan có phát sinh vướng mắc về xét ân hạn thuế 275 ngày đối với doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu do Hệ thống VNACCS chưa có đủ thông tin để xác định các doanh nghiệp đủ/không đủ điều kiện được áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày. Để thực hiện thống nhất và để hệ thống tự động đánh giá, xác định các doanh nghiệp đủ điều kiện ân hạn thuế, Tổng cục Hải quan hướng dẫn các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện các công việc sau:

Đề nghị doanh nghiệp trong diện được ân hạn thuế phải có văn bản cam kết 02 nội dung là cam kết về cơ sở sản xuất và cam kết về chứng từ thanh toán.

Trên cơ sở các cam kết trên của doanh nghiệp, nếu kiểm tra, phát hiện không đủ điều kiện theo quy định thì người nộp thuế phải nộp đủ các loại thuế và tiền chậm nộp kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu đến ngày thực nộp thuế và bị xử phạt vi phạm theo quy định.

Để giải quyết kịp thời vướng mắc, đề nghị các Cục Hải quan tỉnh, thành phố tổ chức rà soát các doanh nghiệp đủ điều kiện được ân hạn thuế đồng thời yêu cầu doanh nghiệp có văn bản cam kết đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định, lập danh sách gồm tên và mã số doanh nghiệp gửi về Tổng cục (qua Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan) kèm file dữ liệu để đưa trực tiếp vào hệ thống VNACCS (**CV số 3845/TCHQ-VNACCS ngày 14/4/2014**).

**4. Gia hạn nộp tiền đối với hàng hóa xuất khẩu:** Tổ chức, cá nhân muốn được gia hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải gửi hồ sơ gia hạn đến cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật hiện hành. Thời hạn xử lý hồ sơ gia hạn của cơ quan hải quan tối đa là 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đủ điều kiện được gia hạn, 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp đủ điều kiện gia hạn và tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp cần kiểm tra xác định chu kỳ sản xuất, dự trữ vật tư, nguyên liệu (đối với Cục Hải quan).

Trường hợp hồ sơ gia hạn được gửi đến cơ quan hải quan nhưng không đúng thẩm quyền gia hạn theo quy định, cơ quan hải quan nơi tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lại hồ sơ cho người nộp thuế (Quyết định 1100/QĐ-TCHQ ngày 08/4/2014).

**5. Cấm mang vàng miếng khi xuất, nhập cảnh**

Ngày 28/3/2014, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 11/2014/TT-NHNN về việc quy định việc mang vàng của cá nhân khi xuất cảnh, nhập cảnh.

Theo đó, cá nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài xuất cảnh, nhập cảnh bằng hộ chiếu không được phép mang theo vàng miếng, vàng nguyên liệu. Trường hợp cá nhân nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam mang theo vàng



miếng, vàng nguyên liệu phải làm thủ tục gửi tại kho hải quan để mang ra khi xuất cảnh hoặc làm thủ tục chuyển ra nước ngoài và chịu mọi chi phí liên quan phát sinh.

Riêng cá nhân nước ngoài được phép định cư ở Việt Nam (hoặc cá nhân Việt Nam được phép định cư ở nước ngoài), được phép mang theo vàng nguyên liệu, vàng miếng, vàng trang sức, mỹ nghệ khi nhập cảnh (hoặc xuất cảnh) và phải khai báo với cơ quan hải quan nếu tổng khối lượng vàng từ 300g trở lên (hoặc tổng khối lượng vàng từ 300g đến dưới 01kg). Trường hợp tổng khối lượng vàng từ 01kg trở lên, cá nhân Việt Nam được phép định cư ở nước ngoài phải có Giấy phép mang vàng khi xuất cảnh định cư ở nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cá nhân đó cư trú cấp, đồng thời phải khai báo với cơ quan Hải quan.

Cá nhân không được mang theo vàng nguyên liệu, vàng miếng, vàng trang sức, mỹ nghệ khi xuất cảnh, nhập cảnh bằng Giấy thông hành biên giới, Giấy thông hành nhập xuất cảnh, chứng minh thư biên giới; nhưng được đeo trên người vàng trang sức, mỹ nghệ phục vụ nhu cầu trang sức như các loại: Nhẫn, dây, vòng, hoa tai, kim cài và các loại trang sức khác và phải khai báo với cơ quan hải quan nếu tổng khối lượng vàng trang sức đó từ 300g trở lên.

Thông tư này thay thế Quyết định số 1165/2001/QĐ-NHNN ngày 12/09/2001 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2014.

**6. [Hàng hoá nhập khẩu từ Campuchia được áp thuế 0%](#)**

Ngày 01/4/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 40/2014/TT-BTC về việc hướng dẫn thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với hàng hoá nhập khẩu có xuất xứ từ vương quốc Campuchia.

Theo đó, các loại hàng hóa sau có xuất xứ từ Campuchia nhập khẩu vào Việt Nam được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0%: Dừa, quả hạch Brazil và hạt điều, tươi hoặc khô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc lột vỏ; Quả chà là, sung, vò, dứa, bơ, ổi, xoài và măng cụt, tươi hoặc khô; Các loại dưa (kể cả dưa hấu) và đu đủ, tươi; Lúa gạo; Mật thu được từ chiết xuất hoặc tinh chế đường; Sản phẩm từ tinh bột sắn và sản phẩm thay thế chế biến từ tinh bột, ở dạng mảnh, hạt, bột xay, bột rây hay các dạng tương tự; Các loại nước ép trái cây (kể cả hèm nho) và nước rau ép, Chưa lên men và Chưa pha thêm rượu, đã hoặc chưa pha thêm đường chất làm ngọt khác; Nước, kể cả nước khoáng và nước có ga, đã pha thêm đường hoặc chất làm ngọt khác hay hương liệu và đồ uống không chứa cồn khác, không bao gồm nước quả ép hoặc nước rau ép; Lá thuốc lá chưa chế biến; phế liệu lá thuốc lá; Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cù lao, nhựa cây họ sacolasea và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải...

Hàng hoá nhập khẩu trên được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% phải đáp ứng các điều kiện sau: Có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá mẫu S (C/O form S) do cơ quan thẩm quyền của Campuchia cấp; Thông quan qua các cửa khẩu nêu trong Bản Thoả thuận giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014 đến hết ngày 31/12/2015.

**7. [Hoàn thuế tự vệ:](#)** - Khoản tiền thuế tự vệ doanh nghiệp đã nộp lớn hơn số tiền thuế phải nộp do Bộ Công thương có quyết định chính thức áp dụng mức thuế tự vệ thấp hơn mức thuế tự vệ tạm thời,... thì được hoàn trả số tiền thuế chênh lệch đã nộp thừa theo quy định tại Điều 95 Thông tư số 128/2013/TT-BTC.

Các khoản tiền thuế tự vệ phải nộp khác và doanh nghiệp đã nộp theo quyết định chính thức của Bộ Công thương thì không được xét hoàn trả theo quy định của pháp luật về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa.

**[\(CV số 2015/BTC-TCHQ ngày 17/02/2014\)](#)**

**8. [Quy định thời hạn chuyển nhượng xe ngoại giao](#)**

Ngày 11/02/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 19/2014/TT-BTC về việc quy định thủ tục tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam.

Theo đó, các đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam trước khi được tái xuất khẩu, chuyển nhượng hoặc tiêu hủy xe phải hoàn tất thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe. Các thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe, tái xuất khẩu, chuyển nhượng hoặc tiêu hủy xe ô tô, xe gắn máy phải được thực hiện trong thời hạn ít nhất 30 ngày trước khi kết thúc thời gian công tác tại Việt Nam theo chứng minh thư do Bộ Ngoại giao cấp.

Trường hợp không kịp tái xuất khẩu, chuyển nhượng hoặc tiêu hủy xe ô tô, xe máy thì các đối tượng nêu trên có trách nhiệm ủy quyền cho cơ quan nơi làm việc giải quyết thủ tục tái xuất khẩu, chuyển nhượng hoặc tiêu hủy xe, Giấy ủy quyền có xác nhận của cơ quan nơi đối tượng công tác về việc xóa sổ đăng ký lưu hành xe ô tô và cam kết bảo quản nguyên trạng xe tại trụ sở cơ quan và hoàn thành thủ tục tái xuất khẩu, chuyển nhượng hoặc tiêu hủy xe theo quy định trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày các đối tượng này kết thúc nhiệm kỳ công tác.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/03/2014, thay thế Thông tư số 02/2001/TT-TCHQ ngày 29/05/2001.

**9. Hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng trong khu giám sát hải quan**

Ngày 27/01/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 15/2014/TT-BTC về việc hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng trong khu vực giám sát hải quan.

Theo đó, hàng hóa tồn đọng tại cảng hàng không là hàng hóa mà chủ hàng hóa có văn bản thông báo việc từ bỏ hoặc không đến nhận hoặc không hồi đáp sau khi đã được doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi tại cảng hàng không thông báo; Hàng hóa bị thất lạc không có người đến nhận, bao gồm: hàng hóa có địa chỉ nhận tại Việt Nam, bị thất lạc qua nước khác sau đó đưa về Việt Nam; hàng hóa gửi đến nước khác, bị thất lạc đến Việt Nam; hàng hóa bị gửi nhầm địa chỉ người nhận tại Việt Nam không có người nhận.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày phát hiện hàng hóa tồn đọng, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi tại cảng hàng không có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ hàng hóa đến nhận hoặc niêm yết tại sân bay trong trường hợp không xác định được chủ hàng hóa. Trường hợp áp dụng hình thức thông báo, quá 15 ngày, kể từ ngày thông báo lần 1 mà chưa có người đến nhận, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi thông báo lần 2 bằng văn bản cho chủ hàng hóa; thông báo được gửi bằng thư bảo đảm qua dịch vụ chuyển phát có ký nhận hồi báo.

Định kỳ hàng quý, chậm nhất là ngày 15 của tháng đầu tiên quý sau, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi thông báo Chi cục Hải quan về tình hình hàng hóa tồn đọng tại cảng hàng không và lập hồ sơ đề nghị xử lý hàng hóa tồn đọng đối với hàng hóa bị thất lạc không có người đến nhận sau 60 ngày. Trường hợp chưa đến thời hạn báo cáo định kỳ nhưng đủ điều kiện xác định hàng hóa tồn đọng là hàng hóa dễ bị hư hỏng, hàng đông lạnh, hóa chất nguy hiểm, độc hại, hàng hóa có hạn sử dụng còn dưới 60 ngày, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị xử lý hàng hóa gửi Chi cục Hải quan trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2014 và thay thế Thông tư số 195/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010, Thông tư số 33/2004/TT-BTC ngày 15/04/2004.

**10. Doanh nghiệp tạm nhập, tái xuất ô tô cũ phải ký quỹ 7 tỷ đồng**

Ngày 27/01/2014, Bộ Công thương đã ban hành Thông tư số 05/2014/TT-BCT về việc quy định về hoạt động tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu hàng hóa.

Theo đó, doanh nghiệp kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng có thuế tiêu thụ đặc biệt như: Xì gà; thuốc lá điếu; bia sản xuất từ malt; rượu vang làm từ nho tươi; rượu vermouth và rượu vang khác làm từ nho tươi đã pha thêm hương vị từ thảo mộc hoặc chất thơm và đồ uống đã lên men khác... phải được thành lập tối thiểu là 02 năm, đã có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hoặc tạm nhập, tái xuất hàng hóa và phải có 07 tỷ đồng tiền ký quỹ, đặt cọc nộp tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh hoặc chi nhánh ngân hàng thương mại tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Các điều kiện trên cũng được áp dụng đối với các doanh nghiệp kinh doanh tạm nhập, tái xuất quạt bàn, quạt sưởi; máy điều hòa không khí; máy làm lạnh; máy làm khô quần áo; máy rửa bát đĩa; máy giặt có sức chứa trên 10kg vải khô/lần; camera truyền hình, camera số và camera ghi hình ảnh; xe ô tô và các loại xe khác có động cơ được thiết kế chủ yếu để chở người... đã qua sử dụng.

Doanh nghiệp kinh doanh tạm nhập, tái xuất các mặt hàng nêu trên được Bộ Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa; thời hạn hiệu lực của mã số tạm nhập, tái xuất là 03 năm, kể từ ngày cấp. Trường hợp hàng hóa nước ngoài gửi vào kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất qua các tỉnh biên giới thì chỉ doanh nghiệp có mã số tạm nhập, tái xuất của nhóm hàng hóa đó mới được đứng tên trên tờ khai hải quan nhập, xuất kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/02/2014, bãi bỏ Thông tư số 05/2013/TT-BCT ngày 18/02/2013 của Bộ Công thương.

**11. Không nhập khẩu ô tô đã qua sử dụng quá 5 năm**

Ngày 27/01/2014, Bộ Công thương đã ban hành Thông tư số 04/2014/TT-BCT về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài.

Theo đó, ô tô các loại đã qua sử dụng (bao gồm ô tô chở người, ô tô chở hàng hóa, ô tô vừa chở người vừa chở hàng, ô tô chuyên dùng) được nhập khẩu phải bảo đảm điều kiện sau: loại đã qua sử dụng không quá 5 năm, tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu (ví dụ: năm 2014 chỉ được nhập khẩu ô tô loại sản xuất từ năm 2009 trở lại đây). Các quy định khác có liên quan thực hiện theo hướng dẫn của các bộ quản lý chuyên ngành.

Riêng nhập khẩu loại xe ô tô chở người dưới 16 chỗ ngồi thực hiện theo Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTM-BGTVT-BTC-BCA và Thông tư số 19/2009/TT-BCT.

Bên cạnh đó, phương tiện vận tải tay lái bên phải (tay lái nghịch) cũng thuộc diện cấm nhập khẩu, kể cả dạng tháo rời và dạng đã được chuyển đổi tay lái trước khi nhập khẩu vào Việt Nam, trừ các loại phương tiện chuyên dùng có tay lái bên phải hoạt động trong phạm vi hẹp gồm: Xe cần cẩu; máy đào kênh rãnh; xe quét đường, tưới đường; xe chở rác và chất thải sinh hoạt; xe thi công mặt đường; xe chở khách trong sân bay và xe nâng hàng trong kho, cảng; xe bơm bê tông; xe chỉ di chuyển trong sân golf, công viên.

Ngoài ra, cấm nhập khẩu ô tô các loại và bộ linh kiện lắp ráp ô tô đã thay đổi kết cấu, chuyển đổi công năng so với thiết kế ban đầu hoặc bị đục sửa, đóng lại số khung, số động cơ trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức. Cấm tháo rời ô tô khi vận chuyển và khi nhập khẩu. Cấm nhập khẩu ô tô cứu thương đã qua sử dụng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/2/2014 và bãi bỏ Thông tư số 04/2006/TT-BTM ngày 06/4/2006; khoản 1, khoản 2 Điều 1 và Phụ lục I, II ban hành kèm theo Thông tư số 10/2011/TT-BCT ngày 30/3/2011 của Bộ Công thương

## KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH

1. **Các doanh nghiệp bắt buộc phải kiểm toán BCTC:** Theo quy định tại Luật Kiểm toán độc lập, những doanh nghiệp sau bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm:

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
- Tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng, bao gồm cả chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Tổ chức tài chính, Doanh nghiệp bảo hiểm, Doanh nghiệp tái bảo hiểm, Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài;
- Công ty đại chúng, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Các doanh nghiệp, tổ chức khác bắt buộc phải kiểm toán theo quy định của pháp luật có liên quan và các doanh nghiệp, tổ chức phải được doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm toán.

Các BCTC không có báo cáo kiểm toán đính kèm sẽ không được chấp nhận; các doanh nghiệp nêu trên nếu không thực hiện kiểm toán theo quy định sẽ bị phạt đến 30 triệu đồng theo quy định tại Điểm h khoản 2 Điều 10 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP (**CV số 1339/BTC-CĐKT ngày 24/01/2014**)

2. **Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:** Trường hợp Công ty đầu tư 100% vốn để thành lập công ty con thì Công ty đã thực hiện đầu tư tài chính dài hạn, khoản đầu tư này của Công ty thuộc đối tượng được trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn theo hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính; trường hợp công ty con bị lỗ thì công ty con thực hiện chuyển lỗ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp (**CV số 238/TCT-CS ngày 17/01/2014**)

## LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

1. **Chế độ đối với người lao động khi cổ phần hóa:** Người lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được chia số dư bằng tiền Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi (bao gồm cả giá trị tài sản dùng trong sản xuất kinh doanh đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi) theo tổng số năm (đủ 12 tháng) làm việc thực tế của người lao động tính từ thời điểm tuyển dụng đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (**CV số 2191/LĐTBXH-LĐTL ngày 25/6/2014**).

2. **Giải quyết chế độ cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động:**

Đối với các trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời điểm Bộ luật lao động năm 2012 có hiệu lực thì doanh nghiệp áp dụng quy định tại Bộ luật lao động năm 1994 (sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006 và 2007) và các văn bản hướng dẫn thi hành để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động. Theo đó, việc giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc cho người lao động được quy định như sau:

Bộ luật lao động năm 1994 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/1995, theo đó từ ngày Bộ luật lao động có hiệu lực thi hành, không còn chế độ chuyển công tác đối với người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động. Khi người lao động thôi việc ở doanh nghiệp thì thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động và người sử dụng hợp đồng lao động có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động. Trường hợp sau đó người lao động chuyển sang doanh nghiệp khác làm việc thì thực hiện giao kết hợp đồng lao động mới.

Theo quy định tại điểm b Điều 2 Thông tư số 17/2009/TT-BLĐTBXH ngày 26/5/2009 thì người lao động làm việc ở nhiều công ty nhà nước do chuyển công tác trước ngày 01/01/1995, thì trợ cấp thôi việc được tính theo thời gian làm việc ở từng công ty nhà nước. Tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc cho người lao động ở từng doanh nghiệp là tiền lương, tiền công theo hợp đồng lao động ở công ty nhà nước cuối cùng. Công ty nhà nước cuối cùng có trách nhiệm chi trả toàn bộ số tiền trợ cấp thôi việc cho người lao động, kể cả phần trợ cấp thôi việc thuộc trách nhiệm chi trả của công ty nhà nước mà người lao động đã làm việc trước khi chuyển công tác trước ngày 01/01/1995, sau đó gửi thông báo để yêu cầu hoàn trả số tiền đã được chi trả hộ. Trường hợp công ty nhà nước được chi trả hộ đã chấm dứt hoạt động thì ngân sách nhà nước hoàn trả số tiền trợ cấp thôi việc đã được chi trả hộ (**CV số 1939/LĐTBXH-LĐTL ngày 09/06/2014**).

3. **Chế độ cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động ở doanh nghiệp cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước:** Hội đồng quản trị, đại diện người sử dụng lao động theo quy định của công ty cổ phần có trách nhiệm giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho người lao động từ doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang khi người lao động đó mất việc làm, thôi việc tại công ty cổ phần, kể cả khoản trợ cấp cho thời gian thực tế làm việc

tại doanh nghiệp cổ phần hóa trước đó và thời gian người lao động làm việc tại công ty, đơn vị khác thuộc khu vực nhà nước nhưng chuyển đến công ty 100% vốn nhà nước trước ngày 01/01/1995 mà chưa nhận trợ cấp thôi việc, mất việc làm (**CV số 1792/LĐTBXH-LĐTL ngày 29/5/2014**).

4. **Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm:** Ngày 23/5/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 52/2014/NĐ-CP quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm; áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm và tổ chức, cá nhân liên quan đến thành lập và hoạt động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm. Theo đó, Điều kiện để được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm là:

- Có trụ sở ổn định, có thời hạn từ 36 tháng trở lên;
- Có bộ máy chuyên trách thực hiện các hoạt động dịch vụ việc làm (ít nhất 03 nhân viên có trình độ cao đẳng trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, lý lịch rõ ràng);
- Đã thực hiện ký quỹ (300 triệu đồng) tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản giao dịch chính.

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực);
- Giấy xác nhận đã thực hiện ký quỹ (bản sao có chứng thực);
- Giấy tờ chứng minh đáp ứng điều kiện về địa điểm

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/7/2014. Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành tiếp tục được hoạt động cho đến hết thời hạn của giấy phép được cấp.

5. **Chế độ đối với người nhận nuôi con nuôi:** Theo quy định tại Điều 159 Bộ luật Lao động thì thời gian nghỉ việc khi khám thai, sảy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu, phá thai bệnh lý, thực hiện các biện pháp tránh thai, chăm sóc con dưới 07 tuổi ốm đau, nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi, lao động nữ được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Như vậy, kể từ ngày 01/5/2013 lao động nữ nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi sẽ được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội cho đến khi con đủ 06 tháng tuổi (**CV số 1683/LĐTBXH-BHXH ngày 21/5/2014**).

6. **Cán bộ, công chức có thể nghỉ gộp phép tối đa 3 năm/lần:**

Ngày 06/5/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 57/2014/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 141/2011/TT-BTC quy định về chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Theo đó, cán bộ, công chức có thể thỏa thuận với thủ trưởng cơ quan, đơn vị để nghỉ gộp tối đa ba năm một lần và chỉ được thanh toán một lần tiền nghỉ phép năm; thay vì nghỉ phép của năm nào chỉ được thanh toán trong năm đó như quy định trước đây.

Đối tượng được thanh toán tiền lương cho những ngày được nghỉ phép hàng năm nhưng chưa nghỉ hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm bao gồm: Người lao động do thôi việc, bị mất việc làm hoặc vì các lý do khác mà chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm; Người lao động có dưới 12 tháng làm việc thì thời gian nghỉ hằng năm được tính theo tỷ lệ tương ứng với số thời gian làm việc. Trường hợp không nghỉ thì được thanh toán bằng tiền.

Bên cạnh đó, những người ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có hệ số phụ cấp khu vực từ mức 0,5 trở lên làm việc ở miền xuôi đủ được điều kiện nghỉ phép hàng năm khi về thăm gia đình, cha mẹ, vợ hoặc chồng, con hoặc thăm quê quán cũng sẽ được thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền phụ cấp đi đường.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014.

7. **Tiền lương trong thời gian ngừng việc, tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động:** Trường hợp phải ngừng việc, người lao động được trả lương như sau:

Nếu do lỗi của người sử dụng lao động, thì người lao động được trả đủ tiền lương;

Nếu do lỗi của người lao động thì người đó không được trả lương; những người lao động khác trong cùng đơn vị phải ngừng việc được trả lương theo mức do hai bên thỏa thuận nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng cho Chính phủ quy định;

Nếu vì sự cố điện, nước mà không do lỗi của người sử dụng lao động, người lao động hoặc vì các nguyên nhân khách quan khác như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh nguy hiểm, địch họa, di dời địa điểm hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vì lý do kinh tế, thì tiền lương ngừng việc do hai bên thỏa thuận nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

Người sử dụng lao động và người lao động có thể thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động. Bộ luật lao động không quy định về tiền lương trong thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động; tuy nhiên, Điều 4 của Bộ luật này quy định Nhà nước khuyến khích người sử dụng lao động và người lao động thỏa thuận đảm bảo cho người lao động có những điều kiện thuận lợi hơn so với quy định của pháp luật về lao động (**CV số 1462/LĐTBXH-LĐTL ngày 07/5/2014**).

8. **Người giúp việc gia đình được trả tiền đóng bảo hiểm xã hội:** Ngày 07/4/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 27/2014/NĐ-CP về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động, về lao động là người giúp việc gia đình.

Theo đó, mức tiền lương do hai bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng lao động. Mức tiền lương (bao gồm cả chi phí ăn, ở của người lao động sống tại gia đình người sử dụng lao động nếu có) không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng. Người sử dụng lao động và người lao động thỏa thuận mức chi phí ăn, ở hằng tháng của người lao động (nếu có), nhưng không vượt quá 50% mức tiền lương trong hợp đồng lao động.

Về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả thêm cùng lúc với kỳ trả lương của người lao động một khoản tiền tương đương với mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế để người lao động tự lo bảo hiểm.

Đối với người lao động sống cùng gia đình người sử dụng lao động, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi do hai bên thỏa thuận nhưng người lao động phải được nghỉ ít nhất 8 giờ, trong đó có 6 giờ nghỉ liên tục trong 24 giờ liên tục. Mỗi tuần, người lao động được nghỉ ít nhất 24 giờ liên tục. Trong trường hợp không thể bố trí được thì người sử dụng lao động phải có trách nhiệm bảo đảm cho người lao động được nghỉ tính bình quân 1 tháng ít nhất 4 ngày. Thời điểm nghỉ do hai bên thỏa thuận.

Người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương trong những ngày nghỉ lễ, tết theo quy định. Khi nghỉ hằng năm, người lao động được ứng trước một khoản tiền ít nhất bằng tiền lương cho những ngày nghỉ.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/5/2014.

9. **Quy định về quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam:** - Trước thời điểm Nghị định số 102/2013/NĐ-CP ngày 5/9/2013 của Chính phủ về việc tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam có hiệu lực thi hành, người nước ngoài đến làm việc tại Việt Nam theo hình thức di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp không phải ký hợp đồng lao động với công ty con tại Việt Nam mà chỉ cần đăng ký để được cấp giấy phép lao động tại Việt Nam.

Kể từ thời điểm Nghị định số 102/2013/NĐ-CP nêu trên có hiệu lực thi hành, người nước ngoài đến làm việc tại Việt Nam theo hình thức di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc diện không phải cấp giấy phép lao động.

**(CV số 953/TCT-CS ngày 24/03/2014)**

10. **Tuyển lao động Việt Nam trước khi tuyển lao động nước ngoài**

Ngày 20/01/2014, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 03/2014/TT-BLĐTBXH về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 102/2013/NĐ-CP ngày 05/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Theo đó, đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài thì trước ít nhất 2 tháng đối với đề nghị tuyển từ 500 người lao động Việt Nam trở lên và trước ít nhất 1 tháng đối với đề nghị tuyển dưới 500 người lao động Việt Nam, nhà thầu có trách nhiệm gửi đề nghị trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Chủ tịch UBND cấp tỉnh nơi nhà thầu thực hiện gói thầu sau khi có xác nhận của chủ đầu tư về việc chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài.

Trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến tuyển người lao động nước ngoài, người sử dụng lao động (trừ nhà thầu) phải báo cáo giải trình về nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, bao gồm: vị trí công việc, số lượng, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, mức lương, thời gian làm việc và nộp trực tiếp tới Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người sử dụng lao động đặt trụ sở chính.

Khi có thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài thì người sử dụng lao động phải nộp trực tiếp báo cáo giải trình điều chỉnh, bổ sung trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến tuyển mới, tuyển thêm hoặc tuyển để thay thế người lao động nước ngoài với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thông báo việc chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài tới từng người sử dụng lao động.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/03/2014 và thay thế Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011

11. **Hướng dẫn tuyển, quản lý lao động:** Ngày 16/01/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 03/2014/NĐ-CP về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc làm.

Theo đó, cho phép người sử dụng lao động trực tiếp hoặc thông qua tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp cho thuê lại lao động để tuyển lao động Việt Nam làm việc trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế.

Ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển lao động, người sử dụng lao động hoặc tổ chức dịch vụ việc làm hoặc doanh nghiệp cho thuê lại lao động phải thông báo công khai về nhu cầu tuyển lao động. Nội dung thông báo gồm: Nghề, công việc, trình độ chuyên môn, số lượng cần tuyển; loại hợp đồng dự kiến giao kết; mức lương dự kiến và điều kiện làm việc cho từng vị trí công việc.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả lao động, người sử dụng lao động, tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp cho thuê lại lao động phải thông báo công khai kết quả tuyển lao động. Trường hợp người lao động không trúng tuyển hoặc không tham gia dự tuyển, người sử dụng lao động hoặc tổ chức dịch vụ việc làm hoặc doanh nghiệp cho thuê lại lao động phải trả lại đầy đủ hồ sơ đăng ký dự tuyển lao động trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày người lao động có yêu cầu.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2014 và thay thế Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/04/2003.

12. **Điều kiện nâng bậc lương trước thời hạn:** Ngày 13/01/2014, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành quyết định số 51/QĐ-LĐTBXH ban hành Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động.

Theo đó, công chức, viên chức và người lao động và nhân viên thừa hành, phục vụ được xét nâng 01 bậc lương sau 03 năm giữ bậc lương trong ngạch, trong chức danh (đối với công chức, viên chức và người lao động giữ ngạch, chức danh loại A3, A2, A1, A0) hoặc sau 02 năm giữ bậc lương trong ngạch, trong chức danh (đối với công chức, viên chức, người lao động giữ ngạch, chức danh loại B, C và nhân viên thừa hành, phục vụ).

Trường hợp công chức, viên chức, người lao động có đủ thời gian giữ bậc trong ngạch, chức danh theo quy định nêu trên; được cấp có thẩm quyền đánh giá từ mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực trở lên (đối với công chức) và không vi phạm kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức; lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, được cấp có thẩm quyền công nhận bằng văn bản; đáp ứng các tiêu chuẩn về cấp độ thành tích theo quy định và năm xét nâng bậc lương trước thời hạn, đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên; chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh; còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên tính đến ngày 31/12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn... sẽ được xem xét nâng bậc lương trước thời hạn.

Việc xét nâng bậc lương trước thời hạn thực hiện từ người có thành tích cao hơn đến người có thành tích thấp hơn cho đến hết chỉ tiêu (10%). Trường hợp có nhiều người đạt tiêu chuẩn thành tích xét nâng bậc lương trước thời hạn như nhau thì ưu tiên công chức, viên chức và người lao động có nhiều thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ trong những năm trước. Đặc biệt, không thực hiện nâng bậc lương trước thời hạn 02 lần liên tiếp (02 bậc liền kề) trong cùng ngạch hoặc cùng chức danh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

13. **Mức điều chỉnh tiền lương tháng đã đóng bảo hiểm xã hội:** Ngày 10/01/2014, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 02/2014/TT-BLĐTBXH về việc quy định mức điều chỉnh tiền lương, tiền công và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội.

Theo đó, từ ngày 01/01/2014, người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội hoặc đang bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định, hưởng lương hưu, trợ cấp 01 lần khi nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội 01 lần hoặc bị chết mà nhân thân được hưởng trợ cấp tuất 01 lần, từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014, được điều chỉnh tiền lương, tiền công tháng đã đóng bảo hiểm xã hội theo công thức sau: Tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm xã hội sau điều chỉnh của từng năm bằng tổng tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định của từng năm nhân với mức điều chỉnh tiền lương, tiền công đã đóng bảo hiểm xã hội của năm tương ứng. Trong đó, mức điều chỉnh tiền lương, tiền công đã đóng bảo hiểm xã hội đối với các năm 2010; 2011; 2012; 2013 và 2014 lần lượt là 1,38; 1,16; 1,07; 1,00 và 1,00.

Thông tư cũng quy định chi tiết mức điều chỉnh thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện hưởng lương hưu, trợ cấp 01 lần khi nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội 01 lần hoặc bị chết mà nhân thân được hưởng trợ cấp tuất 01 lần, từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014, với mức điều chỉnh của các năm 2008; 2009; 2010; 2011; 2012; 2013 và 2014 lần lượt tương ứng với 1,61; 1,51; 1,38; 1,16; 1,07; 1,00 và 1,00.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/03/2014.

14. **Hướng dẫn cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động:** Ngày 08/01/2014, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 01/2014/TT-BLĐTBXH về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 55/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Khoản 3 Điều 54 của Bộ Luật lao động về việc cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động, việc ký quỹ và Danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động.

Theo đó, Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động có thời hạn tối đa không quá 36 tháng, gồm 1 trang được in trên giấy trắng bìa cứng, có hoa văn màu xanh da trời, có hình quốc huy in chìm, khung viền màu đen và có đầy đủ các nội dung được quy định.

Trường hợp Giấy phép đã được gia hạn 2 lần mà doanh nghiệp cho thuê vẫn tiếp tục có nhu cầu hoạt động cho thuê lại lao động sau khi hết thời hạn của Giấy phép trên, thì doanh nghiệp tiến hành các thủ tục đề nghị cấp mới Giấy phép để tiếp tục hoạt động cho thuê lại lao động.

Đối với trường hợp doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức cung ứng dịch vụ, mà người lao động đã được doanh nghiệp tuyển dụng, sau đó được điều chuyển đến doanh nghiệp của người sử dụng lao động khác để thực hiện một công việc và không chịu sự điều hành, quản lý của người sử dụng lao động này một cách trực tiếp hoặc gián tiếp như phải tuân thủ các quy định về: nội quy lao động; thỏa ước lao động tập thể; thời giờ làm việc; thời giờ nghỉ ngơi; an toàn lao động – vệ sinh lao động; kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất của người sử dụng lao động trong suốt quá trình tiến hành việc cung cấp dịch vụ, thì không bắt buộc phải cấp Giấy phép để tiến hành hoạt động kinh doanh đó.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/03/2014.

## NGÂN HÀNG

### 1. Quy định về phân loại nợ:

Ngày 20/5/2014, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) ban hành Thông tư 14/2014/TTNHNN, bổ sung một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.

Theo đó, bổ sung khoản 3a và Điều 6 Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN cho phép Ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ với điều kiện chặt chẽ hơn.

Ngoài ra, Thông tư yêu cầu ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải:

Ban hành quy định nội bộ về kiểm soát, giám sát việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ;

Thường xuyên rà soát, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng sau khi khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ. Không được tiếp tục cơ cấu lại nợ và giữ nguyên nhóm nợ nếu khách hàng không có khả năng trả nợ đúng theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại;

Định kỳ báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) về tình hình cơ cấu lại nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo mẫu quy định kèm theo Thông tư;

Thông tư 14/2014/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 22/5/2014 đến ngày 01/4/2015.

### 2. Hoạt động của công ty tài chính:

Ngày 07/5/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 39/2014/NĐ-CP về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính.

Theo đó, hoạt động của công ty tài chính gồm: Hoạt động ngân hàng của công ty tài chính; phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức; vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài; vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn; cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng;...

Trong đó, điều kiện chung để công ty tài chính thực hiện hoạt động ngân hàng như sau: (1)- Hoạt động ngân hàng của công ty tài chính phải được ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp; (2)- Có đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, công nghệ, phương tiện, thiết bị và các quy định nội bộ theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động ngân hàng được ghi trong Giấy phép; (3)- Đối với các hoạt động ngân hàng có liên quan đến hoạt động ngoại hối, công ty tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối; (4)- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện nghiệp vụ đối với hoạt động ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Công ty tài chính được vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: Các điều kiện quy định nêu trên; đáp ứng đủ các điều kiện về vay tái cấp vốn do Ngân hàng Nhà nước quy định; mục đích vay vốn phù hợp với mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

Công ty tài chính được cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/6/2014 và thay thế Nghị định số 79/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002, Nghị định số 81/2008/NĐ-CP ngày 29/7/2008, Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001, Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005; Nghị định số 95/2008/NĐ-CP ngày 25/8/2008.

### 3. Điều kiện Doanh Nghiệp nhỏ và vừa được bảo lãnh vay vốn: Ngày 22/04/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 47/2014/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn ngân hàng thương mại, trong đó đáng chú ý là quy định về điều kiện để doanh nghiệp được bảo lãnh vay vốn.

Cụ thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa muốn được bảo lãnh vay vốn ngân hàng thương mại phải đáp ứng một số điều kiện nhất định như: Có vốn chủ sở hữu tham gia tối thiểu 15% tổng mức đầu tư của dự án và được đầu tư toàn bộ

vào tài sản cố định; tại thời điểm đề nghị bảo lãnh không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng và Ngân hàng Phát triển; dự án đầu tư có văn bản chấp thuận cho vay của ngân hàng thương mại và được Ngân hàng Phát triển thẩm định và xác định là dự án có hiệu quả, có khả năng hoàn trả vốn vay...

Bên cạnh đó, Thông tư cũng có quy định chi tiết về thời hạn, lãi suất nhận nợ bắt buộc. Theo đó, trường hợp Ngân hàng Phát triển trả nợ thay, doanh nghiệp phải nhận nợ bắt buộc với Ngân hàng Phát triển. Trong đó, thời hạn trả nợ được xác định căn cứ vào phương án sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp và lãi suất nhận nợ bắt buộc bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng đối với tổ chức kinh tế của ngân hàng thương mại nhận bảo lãnh đối với khoản cho vay cùng kỳ hạn tại thời điểm nhận nợ bắt buộc. Khi đến thời hạn trả nợ bắt buộc, doanh nghiệp không trả nợ hoặc không trả được hoặc trả chưa hết nợ, Ngân hàng Phát triển có thể căn cứ vào nguyên nhân doanh nghiệp khó khăn tài chính tạm thời để quyết định theo thẩm quyền xử lý rủi ro hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc cơ cấu lại nợ, xử lý tài sản bảo đảm, xử lý rủi ro bảo lãnh.

Thông tư 47/2014/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/06/2014.

#### 4. [Hướng dẫn cho vay hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp:](#)

Ngày 18/04/2014, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 13/2014/TT-NHNN về việc hướng dẫn việc cho vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

Theo đó, ngoài các ngân hàng thương mại nhà nước đang cho vay nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch theo Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg và Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg trước đây thì các ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng cũng được tham gia cho vay nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

Về điều kiện vay vốn, các đối tượng vay vốn bằng đồng Việt Nam mua máy, thiết bị nằm trong danh mục chủng loại máy, thiết bị sản xuất trong nước, nhập khẩu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố và đầu tư các dự án máy, thiết bị được thẩm định theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đồng thời, đáp ứng các điều kiện tại khoản 3 Điều 1 và khoản 3 Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

Các ngân hàng thương mại cho vay theo mức lãi suất cho vay thấp nhất áp dụng cho các khoản vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ. Mức cho vay tối đa được hỗ trợ lãi suất, cấp bù chênh lệch lãi suất. Việc hỗ trợ lãi suất, cấp bù chênh lệch lãi suất đối với khách hàng được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Thời hạn cho vay đối với khách hàng mua máy, thiết bị do ngân hàng thương mại và khách hàng thỏa thuận, nhưng chỉ được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất tối đa 3 năm. Thời hạn cho vay đối với khách hàng đầu tư dự án dây chuyền máy, thiết bị ngân hàng thương mại và khách hàng tự thỏa thuận, phù hợp với khả năng thu hồi vốn của dự án, nhưng tối đa không quá 12 năm.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/5/2014, thay thế Thông tư số 22/2012/TT-NHNN ngày 22/6/2012.

#### 5. [Quy định mới về việc vay nước ngoài của doanh nghiệp](#)

Ngày 31/3/2014, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 12/2014/TT-NHNN về việc quy định về điều kiện vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.

Theo đó, ngoài mục đích vay nước ngoài phục vụ sản xuất kinh doanh của chính doanh nghiệp, bên đi vay được phép vay trung, dài hạn nước ngoài phục vụ dự án của doanh nghiệp mà bên đi vay tham gia góp vốn đầu tư trực tiếp với giới hạn mức vay tương ứng với tỷ lệ góp vốn của bên đi vay trong doanh nghiệp mà bên đi vay tham gia góp vốn.

Các phương án sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư sử dụng vốn vay nước ngoài phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và phù hợp với phạm vi giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư, giấy đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã của Bên đi vay hoặc của doanh nghiệp mà Bên đi vay tham gia góp vốn đầu tư trực tiếp.

Đồng tiền vay nước ngoài phải là ngoại tệ. Vay nước ngoài bằng đồng Việt Nam chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau: 1- Bên đi vay là tổ chức tài chính vi mô; 2- Bên đi vay là doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vay từ nguồn lợi nhuận được chia bằng VNĐ từ hoạt động đầu tư trực tiếp của bên cho vay là nhà đầu tư nước ngoài góp vốn tại bên đi vay; 3- Các trường hợp khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận căn cứ vào tình hình thực tế và tính chất cần thiết của từng trường hợp.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/5/2014; bãi bỏ các quy định tại Chương II Thông tư số 09/2004/TT-NHNN ngày 21/12/2004.

#### 6. [Giảm lãi suất tái cấp vốn](#)

Ngày 17/3/2014, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Quyết định số 496/QĐ-NHNN về lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng.



Theo đó, lãi suất tái cấp vốn là 6,5%/năm; lãi suất tái chiết khấu là 4,5%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng là 7,5%.

Trước đó, tại Quyết định số 1073/QĐ-NHNN, các mức lãi suất này được Ngân hàng Nhà nước quy định lần lượt là 7%/năm; 5%/năm và 8%/năm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/3/2014, thay thế Quyết định số 1073/QĐ-NHNN ngày 10/5/2013.

**7. Lãi suất cho vay ngắn hạn là 8%**

Ngày 17/3/2014, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 08/2014/TT-NHNN về việc quy định lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế và Quyết định số 499/QĐ-NHNN về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 08/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014.

Theo Thông tư số 08/2014/TT-NHNN, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam không vượt quá mức lãi suất tối đa do Thống đốc NHNN quyết định trong từng thời kỳ và đối với từng loại hình tổ chức tín dụng. Các khoản cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam được áp dụng lãi suất cho vay tối đa là các khoản vay nhằm đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn; thực hiện phương án, dự án sản xuất - kinh doanh hàng xuất khẩu; phục vụ sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa; phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ; phục vụ sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Theo Quyết định số 499/QĐ-NHNN, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài áp dụng mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam là 8%/năm. Riêng Quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô được áp dụng mức lãi suất là 9%/năm. Lãi suất áp dụng đối với các hợp đồng tín dụng được ký kết trước ngày 18/03/2013 được tiếp tục thi thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng.

Các văn bản trên có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/3/2014.

**8. Quy định lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam**

Ngày 17/3/2014, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 07/2014/TT-NHNN về việc quy định lãi suất đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng.

Theo đó, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài áp dụng lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức và cá nhân không quá mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 tháng, tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng do Thống đốc NHNN quyết định trong từng thời kỳ và đối với từng loại hình tổ chức tín dụng.

Đối với tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất bằng đồng Việt Nam đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên của tổ chức và cá nhân trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường.

Cùng ngày, Ngân hàng Nhà nước cũng công bố Quyết định số 498/QĐ-NHNN về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014.

Mức lãi suất tối đa theo quyết định này áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 01 tháng là 1%/năm; mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng - dưới 06 tháng là 6%/năm; riêng Quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô áp dụng mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi kỳ hạn từ 01 tháng - dưới 06 tháng là 6,5%.

Hai văn bản trên có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/3/2014.

**9. Đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện bằng đồng Việt Nam**

Ngày 12/03/2014, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 05/2014/TT-NHNN về việc hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam.

Theo đó, mọi hoạt động đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam (VND), trường hợp có nhu cầu chuyển vốn, lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp khác từ hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài được sử dụng VND trên tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được phép và chuyển ra nước ngoài.

Các giao dịch liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài phải được thực hiện thông qua 01 tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mở tại 01 ngân hàng được phép; trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đang mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp tại 01 ngân hàng được phép nhưng có nhu cầu

mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp ở 01 ngân hàng khác thì phải đóng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp đã mở, chuyển toàn bộ số dư tài khoản sang tài khoản mới.

Ngoài ra, số dư tài khoản vốn đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài không được chuyển sang tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm tại tổ chức, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/04/2014 và thay thế Thông tư số 03/2004/TT-NHNN ngày 25/05/2004.

10. **Nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài:** Ngày 03/01/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 01/2014/NĐ-CP về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.

Theo đó, tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư là cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% và nhà đầu tư là tổ chức tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam. Trường hợp tổ chức nước ngoài là một nhà đầu tư chiến lược thì được sở hữu không quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.

Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại Việt Nam. Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng phi ngân hàng Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, công ty niêm yết.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng Việt Nam không được chuyển nhượng cổ phần thuộc sở hữu của mình cho tổ chức, cá nhân khác trong thời hạn tối thiểu 3 năm kể từ thời điểm sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng đó.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/02/2014 và bãi bỏ Nghị định số 69/2007/NĐ-CP ngày 20/4/2007.

11. **Cho vay ra nước ngoài phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước:** Ngày 31/12/2013, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 37/2013/TT-NHNN về việc hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú.

Theo đó, có 4 đối tượng phải thực hiện đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ bảo lãnh: 1- Tổ chức kinh tế thực hiện cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú; 2- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện bảo lãnh cho người không cư trú; 3- Đại diện bên bảo lãnh trong khoản đồng bảo lãnh của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho người không cư trú; 4- Trường hợp các thỏa thuận cho vay, thỏa thuận cấp bảo lãnh cho người không cư trú có sự tham gia của ít nhất 2 tổ chức kinh tế, từng tổ chức kinh tế thực hiện đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ bảo lãnh đối với phần cho vay, bảo lãnh của mình.

Trước khi thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài, tổ chức kinh tế mở một tài khoản cho vay ra nước ngoài tại một tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tài khoản. Các giao dịch liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài (giải ngân vốn cho vay; thu hồi nợ gốc, nợ lãi và các loại phí) phải thực hiện thông qua tài khoản cho vay ra nước ngoài.

Trường hợp tổ chức kinh tế thực hiện cho vay, bảo lãnh cho người không cư trú là doanh nghiệp ở nước ngoài có sự tham gia góp vốn dưới hình thức đầu tư trực tiếp của bên cho vay, bên bảo lãnh, tài khoản cho vay ra nước ngoài, tài khoản thực hiện bảo lãnh là tài khoản vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh tế theo các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thỏa thuận cho vay và trước khi thực hiện giải ngân cho vay, bên cho vay gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) một bộ hồ sơ đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước gửi bên cho vay văn bản xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/02/2014.

## **QUY ĐỊNH KHÁC**

1. **Quy định chi tiết về Luật đấu thầu:**

Ngày 26/6/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 63/2014/NĐ-CP về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Theo đó, nhà thầu tham dự gói thầu hỗn hợp phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công cho gói thầu đó, trừ trường hợp các nội dung công việc này là một phần của gói thầu hỗn hợp.

Nhà thầu tư vấn có thể tham gia cung cấp một hoặc nhiều dịch vụ tư vấn cho cùng một dự án, gói thầu bao gồm: Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, tư vấn giám sát.

Nhà thầu được đánh giá độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhà thầu khác; với nhà thầu tư vấn; với chủ đầu tư, bên mời thầu khi đáp ứng 4 điều kiện: (1) Không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý đối với đơn vị sự nghiệp; (2) Nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% của nhau; (3) Nhà thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của nhau khi cùng tham dự thầu trong một gói thầu đối với đầu thầu hạn chế; (4) Nhà thầu tham dự thầu với nhà thầu tư vấn cho gói thầu đó không có cổ phần hoặc vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên.

Trường hợp đối với tập đoàn kinh tế nhà nước, nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu là ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn và là đầu ra của công ty này, đồng thời là đầu vào của công ty kia trong tập đoàn thì tập đoàn, các công ty con của tập đoàn được phép tham dự quá trình lựa chọn nhà thầu của nhau. Trường hợp sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu là đầu ra của công ty này, đồng thời là đầu vào của công ty kia trong tập đoàn và là duy nhất trên thị trường thì thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2014 và thay thế Quyết định số 50/2012/QĐ-TTg ngày 09/11/2012; Nghị định số 68/2012/NĐ-CP ngày 12/9/2012; Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009.

2. **Phân loại doanh nghiệp nhà nước:** Ngày 18/6/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg về việc ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước.

Theo đó, doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần được tách thành 03 nhóm, bao gồm: doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần; doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ từ 65% đến dưới 75% tổng số cổ phần và doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ 75% tổng số cổ phần trở lên.

Những doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ từ 75% tổng số cổ phần trở lên bao gồm: doanh nghiệp quản lý, khai thác, bảo trì cảng hàng không, sân bay (trừ các cảng hàng không, sân bay có vai trò, vị trí quan trọng đối với quốc phòng, an ninh); doanh nghiệp quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa; bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; doanh nghiệp cung cấp cơ sở hạ tầng viễn thông; khai thác khoáng sản quy mô lớn và khai thác dầu mỏ, khí tự nhiên.

Doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ từ 65% đến dưới 75% tổng số cổ phần gồm các doanh nghiệp chế biến dầu mỏ và khí tự nhiên; doanh nghiệp tài chính, ngân hàng (không bao gồm bảo hiểm, chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty tài chính, cho thuê tài chính), vận chuyển hàng không; doanh nghiệp có vai trò đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, bình ổn thị trường, hoạt động trong các lĩnh vực như: Bán buôn thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; bán buôn lương thực và bán buôn xăng dầu; doanh nghiệp sản xuất thuốc lá điếu.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/08/2014 và thay thế Quyết định số 14/2011/QĐ-TTg ngày 04/03/2011.

3. **Bổ sung một số quy định mới khi thực hiện chính sách xã hội hóa:** Ngày 16/6/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 59/2014/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường.

Theo đó, Nghị định bổ sung quy định về chuyển nhượng dự án xã hội hóa. Cụ thể, trong quá trình thực hiện dự án, vì lý do khách quan không thể tiếp tục thực hiện dự án trên đất đã được Nhà nước cho thuê đất thì cơ sở thực hiện xã hội hóa được chuyển nhượng dự án này theo pháp luật về kinh doanh bất động sản nếu được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương chuyển nhượng dự án bằng văn bản. Người nhận chuyển nhượng dự án phải bảo đảm tiếp tục thực hiện dự án xã hội hóa theo đúng mục tiêu và mục đích sử dụng đất của dự án.

Giá trị dự án chuyển nhượng do hai bên thỏa thuận, bao gồm: Tài sản trên đất đối với trường hợp dự án được miễn toàn bộ tiền thuê đất hoặc trong trường hợp thuê đất nộp tiền thuê hàng năm; tài sản trên đất và toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất đối với trường hợp dự án phải nộp toàn bộ (không được miễn, giảm) tiền thuê đất trong trường hợp thuê đất nộp tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê; tài sản trên đất và một phần giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với phần tiền thuê đất đã nộp ngân sách nhà nước đối với trường hợp dự án được giảm một phần tiền thuê đất.

Đối với đất nhận chuyển nhượng hợp pháp từ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mà không phải chuyển mục đích sử dụng đất, cơ sở thực hiện xã hội hóa được tính giá trị quyền sử dụng đất đang sử dụng vào tài sản của dự án đầu tư và được phân bổ vào chi phí để thu hồi vốn đầu tư theo quy định của pháp luật.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2014.

4. **Điều kiện được mua, thuê mua nhà ở xã hội:**

Ngày 23/5/2014, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 08/2014/TT-BXD về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 188/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

Theo đó, người có công với cách mạng, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, sự nghiệp, cơ quan Đảng và đoàn thể hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp; người thuộc diện hộ gia đình nghèo tại khu vực đô thị nằm trong chuẩn nghèo do Thủ tướng Chính phủ quy định và người cao tuổi độc thân, cô đơn không nơi nương tựa tại các khu vực đô thị... muốn mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội do các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách phải thuộc diện có khó khăn về nhà ở và đáp ứng những điều kiện nhất định về cư trú.

Cụ thể, đối tượng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội phải có hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có nhà ở xã hội do các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng. Trường hợp không có hộ khẩu thường trú, người có nhu cầu mua nhà ở phải có đăng ký tạm trú, có hợp đồng lao động có thời hạn từ 01 năm trở lên và giấy xác nhận (hoặc giấy tờ chứng minh) về việc có đóng bảo hiểm xã hội của cơ quan bảo hiểm tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có nhà ở xã hội.

Đối với trường hợp thuê mua nhà ở xã hội, ngoài các điều kiện nêu trên, còn phải nộp lần đầu số tiền bằng 20% giá trị của nhà ở thuê mua, số tiền còn lại được thanh toán theo thỏa thuận với bên cho thuê mua với thời hạn tối thiểu là 05 năm kể từ thời điểm bên cho thuê mua bàn giao nhà ở cho bên thuê mua.

Giá bán, giá cho thuê mua nhà ở xã hội do chủ đầu tư dự án xác định trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc tính đủ các chi phí để thu hồi vốn, kể cả lãi vay (nếu có) và lợi nhuận định mức của toàn bộ dự án không vượt quá 10% hoặc 15% tổng chi phí đầu tư (đối với trường hợp cho thuê, cho thuê mua)... Giá bán, cho thuê, cho thuê mua căn hộ chung cư được xác định theo diện tích sử dụng căn hộ (diện tích thông thủy). Trường hợp các bên đã ký hợp đồng trước ngày 08/07/2014, việc xác định diện tích căn hộ thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng mà các bên đã ký kết.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/07/2014 và bãi bỏ Thông tư số 36/2009/TT-BXD ngày 16/11/2009, Thông tư số 15/2009/TT-BXD ngày 30/06/2009, Thông tư số 13/2009/TT-BXD ngày 30/06/2009, 10/2009/TT-BXD ngày 15/06/2009.

#### 5. Hướng dẫn thi hành Luật Đất đai:

Ngày 15/5/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 43/2014/NĐ-CP về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Theo đó, người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phải đáp ứng một số điều kiện nhất định về dự án có sử dụng đất và năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư. Đó là: Dự án phải là dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê hoặc để bán kết hợp cho thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở; dự án đầu tư kinh doanh bất động sản gắn với quyền sử dụng đất và dự án sản xuất kinh doanh, không sử dụng vốn từ ngân sách Nhà nước; có vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 ha; không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 ha trở lên và có khả năng huy động vốn để thực hiện dự án từ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân khác.

Đối với dự án đầu tư không đưa đất vào sử dụng trong thời gian 12 tháng liên tục kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa thì cho phép chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng tính từ tháng thứ 13 kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa. Trường hợp dự án đầu tư chậm tiến độ sử dụng đất 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa thì thời điểm để tính gia hạn sử dụng đất 24 tháng được tính từ tháng thứ 25 kể từ thời điểm kết thúc việc đầu tư xây dựng.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng hướng dẫn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhóm đất nông nghiệp. Cụ thể, trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là GCN) theo hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đang sử dụng, nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp. Diện tích đất nông nghiệp còn lại phải chuyển sang diện thuê đất. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được cấp GCN theo hình thức thuê đất của Nhà nước đối với diện tích đất đang sử dụng. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong cùng thửa đất có nhà ở, công trình xây dựng khác mà không được công nhận là đất phi nông nghiệp thì hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng được cấp GCN theo mục đích hiện trạng đang sử dụng như trường hợp đầu tiên trên đây. Nếu người sử dụng đất đề nghị chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp thì phải làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014 và thay thế Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009; Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009.

#### 6. Bồi thường cư khi Nhà nước thu hồi đất:

Ngày 15/5/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/2014/NĐ-CP về việc quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Theo đó, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà đã có hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì việc bồi thường về đất

được thực hiện như sau: (1) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư; (2) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở.

Trường hợp trong hộ gia đình nêu trên mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình.

Đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, trường hợp thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 24 tháng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014.

#### 7. Điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp bán hàng đa cấp:

Ngày 14/05/2014, Chính phủ ban hành Nghị định 42/2014/NĐ-CP về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

Theo quy định tại Nghị định này, tổ chức đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp phải đáp ứng các điều kiện mới như:

- Là doanh nghiệp được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, có đăng ký kinh doanh ngành bán lẻ theo phương thức đa cấp.
- Có vốn pháp định là 10 tỷ đồng.
- Hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp phù hợp với nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.
- Ký quỹ tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính với mức 5% vốn điều lệ nhưng không được thấp hơn 5 tỷ đồng.
- Có Quy tắc hoạt động, Chương trình trả thưởng, Chương trình đào tạo cơ bản không trái quy định của pháp luật.

Ngoài ra, nghị định này còn quy định điều kiện đối với các đối tượng góp vốn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động bán hàng đa cấp như sau:

Thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân; thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn,; cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần; người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần phải là những cá nhân chưa từng giữ một trong các chức vụ nêu trên tại doanh nghiệp bán hàng đa cấp đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều 14 Nghị định này.

Nghị định 42/2014/NĐ-CP thay thế Nghị định 110/2005/NĐ-CP. Nghị định 110/2005/NĐ-CP còn hiệu lực đến ngày 30/06/2014. Nghị định 42/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2014

#### 8. Chính sách tín dụng cho người nuôi tôm, cá tra: Ngày 16/4/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 540/QĐ-TTg về chính sách tín dụng đối với người nuôi tôm và cá tra.

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách tín dụng đối với người nuôi tôm và cá tra quy định việc xử lý đối với các khoản nợ quá hạn và nợ đã được cơ cấu của khách hàng là hộ dân, chủ trang trại, hợp tác xã nuôi tôm và cá tra gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh và trả nợ tổ chức tín dụng đến ngày 31/12/2013.

Thủ tướng yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho vay tái cấp vốn tương ứng với số tiền tổ chức tín dụng thực hiện khoan nợ cho khách hàng với lãi suất 0%/năm. Thời hạn tái cấp vốn là 364 ngày và được gia hạn tự động hàng năm với thời gian 3 năm. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam căn cứ vào danh sách khách hàng đủ điều kiện khoan nợ do tổ chức tín dụng báo cáo để thực hiện giải ngân đối với tổ chức tín dụng.

Ngoài ra, Quyết định cũng quy định tổ chức tín dụng được tiếp tục xem xét cho khách hàng vay mới để khôi phục sản xuất, kinh doanh trên cơ sở phương án kinh doanh hiệu quả, khả thi và không phụ thuộc vào các khoản nợ đã được xử lý theo quy định của Quyết định này.

Khách hàng gặp khó khăn tạm thời trong việc trả nợ được cơ cấu lại nợ tối đa 36 tháng (bao gồm cả thời gian đã được cơ cấu lại nợ); không thu lãi quá hạn, lãi phạt đối với các khoản nợ được cơ cấu; miễn, giảm lãi vay theo quy định của tổ chức tín dụng và được ưu tiên thu nợ gốc trước, thu nợ lãi sau. Trường hợp khách hàng đã trả xong nợ gốc, chưa trả hết nợ lãi thì tổ chức tín dụng thỏa thuận với khách hàng để có kế hoạch thu dần hàng năm tiếp theo.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

9. **Nhân viên đại lý tàu biển phải là công dân Việt Nam:** Ngày 14/04/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 30/2014/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển.

Theo đó, đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển, tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ phải thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; có đăng ký kinh doanh ngành nghề dịch vụ đại lý tàu biển.

Đồng thời, doanh nghiệp phải có cán bộ chuyên trách thực hiện khai thác dịch vụ đại lý tàu biển và pháp chế doanh nghiệp. Người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách lĩnh vực đại lý tàu biển phải có kinh nghiệm trong hoạt động đại lý tàu biển tối thiểu 2 năm và nhân viên đại lý tàu biển phải là công dân Việt Nam, có bằng đại học một trong các chuyên ngành hàng hải, ngoại thương, thương mại hoặc kinh tế. Người phụ trách pháp chế doanh nghiệp phải có bằng đại học chuyên ngành luật và phải có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực pháp luật tối thiểu 2 năm.

Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển tại Việt Nam phải thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; có đăng ký kinh doanh ngành nghề dịch vụ lai dắt tàu biển. Doanh nghiệp phải có cán bộ chuyên trách thực hiện khai thác dịch vụ lai dắt tàu biển và pháp chế doanh nghiệp.

Ngoài ra, tổ chức, cá nhân kinh doanh phải có hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc có bảo lãnh tài chính tương đương và có hợp đồng đại lý tàu biển, hợp đồng lai dắt tàu biển đối với từng chuyến tàu cụ thể hoặc trong một thời hạn cụ thể.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014; thay thế Nghị định số 115/2007/NĐ-CP ngày 05/07/2007.

10. **Giấy chứng nhận kiến thức an toàn thực phẩm có hiệu lực trong 03 năm:** Theo Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ban hành ngày 09/04/2014 hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, Giấy chứng nhận kiến thức an toàn thực phẩm có hiệu lực trong 03 năm, kể từ ngày cấp.

Ngoài ra, các cá nhân đã được xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm sẽ được thừa nhận khi làm việc tại cơ sở sản xuất, kinh doanh các nhóm sản phẩm tương tự.

Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm là điều kiện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại các Thông tư 15/2012/TT-BYT, 26/2012/TT-BYT, 29/2012/TT-BYT.

Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận kiến thức an toàn thực phẩm đối với tổ chức bao gồm:

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo mẫu 01a;
- Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận theo mẫu 01b;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy tờ chứng minh nộp lệ phí theo quy định.

Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT có hiệu lực từ ngày 26/05/2014, thay thế Thông tư liên tịch số 16/2005/TTLT-BYT-BCN, Thông tư liên tịch số 24/2005/TTLT/BYT-BTS, Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT/BYTBN và Thông tư liên tịch số 18/2005/TTLT/BYT-BTM.

11. **Một số thay đổi về công đoàn phí:** Ngày 07/03/2014, Tổng liên đoàn lao động đã ban hành Hướng dẫn 258/HD-TLĐ về công đoàn phí. Theo đó, đối với người lao động trong các doanh nghiệp, tổ chức không phải là cơ quan, đơn vị nhà nước, công đoàn phí sẽ được tính như sau:

Đoàn viên trong doanh nghiệp nhà nước (kể cả doanh nghiệp nhà nước chiếm cổ phần chi phối): 1% tiền lương thực lĩnh (đã khấu trừ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế TNCN), tối đa không quá 115.000 đồng.

Đoàn viên trong doanh nghiệp ngoài nhà nước (kể cả doanh nghiệp nhà nước không chiếm cổ phần chi phối), hợp tác xã, tổ chức nước ngoài: 1% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Đoàn viên ở đơn vị khó xác định tiền lương làm căn cứ đóng đoàn phí: đơn vị đặc biệt khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, thu nhập của đoàn viên thấp, đóng đoàn phí theo mức ấn định, ít nhất bằng 11.500 đồng.

Hướng dẫn số 258/HD-TLĐ có hiệu lực từ ngày 01/04/2014, thay thế cho Hướng dẫn số 1803/HD-TLĐ.

12. **Sửa đổi biểu mẫu thu nộp Ngân sách Nhà nước**

Ngày 11/3/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 32/2014/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/06/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước - Tổng cục Thuế - Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại.

Theo đó, các mẫu được sửa đổi tại Thông tư này bao gồm: Bảng kê giấy nộp tiền vào NSNN (Mẫu số C1-06/NS), Bảng kê thu tiền phạt (Mẫu số 02/BKTP), Bảng kê chứng từ nộp ngân sách (Mẫu số 04/BK-CTNNS).

Ngoài các nội dung chủ yếu trên chứng từ thu Ngân sách Nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính, có thể tạo thêm thông tin về mã vạch, hình nền biểu tượng (lô-gô) của cơ quan, tổ chức thu nhưng đảm bảo phù hợp pháp luật và không làm ảnh hưởng đến nội dung chứng từ.

Thời điểm "cut off time" sẽ được kéo dài đến 16h. Trường hợp cần thiết thì Kho bạc Nhà nước chủ trì phối hợp với Ngân hàng thương mại để thống nhất thời điểm "cut off time" của ngày làm việc đó.

Giao dịch thu nộp Ngân sách Nhà nước tại các Ngân hàng thương mại phát sinh sau thời điểm "cut of time" hoặc vào các ngày nghỉ thì truyền chứng từ báo có cho Kho bạc Nhà nước chậm nhất trước 9 giờ của ngày làm việc kế tiếp.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/5/2014.

**13. [Đẩy mạnh thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp](#)**

Ngày 06/03/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 15/NQ-CP về một số giải pháp đẩy mạnh cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Theo đó, ngoài các quy định tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp Nhà nước được thực hiện các giải pháp thoái vốn như sau: (1) Thoái vốn đầu tư dưới mệnh giá hoặc dưới giá trị sổ sách kế toán của doanh nghiệp sau khi đã trừ đi khoản dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính theo quy định và trên cơ sở phương án thoái vốn đã được chủ sở hữu xem xét, quyết định; (2) Chào bán ra công chúng số cổ phần mà doanh nghiệp Nhà nước đã đầu tư tại các công ty đại chúng có hoạt động sản xuất kinh doanh...

Việc chuyển nhượng các khoản đầu tư tại các công ty cổ phần chưa niêm yết có giá trị tính theo mệnh giá từ 10 tỷ đồng trở lên, doanh nghiệp được lựa chọn thuê tổ chức tài chính trung gian (các công ty chứng khoán) bán đấu giá, hoặc tự tổ chức đấu giá tại doanh nghiệp. Trường hợp đấu giá không thành công doanh nghiệp báo cáo chủ sở hữu xem xét, quyết định bán thỏa thuận.

Đối với việc thoái vốn tại các công ty đầu tư tài chính, các ngân hàng thương mại của các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước, có thể giao các ngân hàng thương mại Nhà nước mua lại hoặc chuyển Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm đại diện chủ sở hữu.

Chính phủ giao Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước xem xét, mua lại các khoản đầu tư ngoài ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước, công ty 100% vốn Nhà nước vào lĩnh vực bảo hiểm, ngân hàng sau khi đã thực hiện các biện pháp nêu tại Nghị quyết này mà thoái vốn không thành công và các lĩnh vực khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Giá mua được xác định theo giá thị trường nhưng không cao hơn giá trị trên sổ sách kế toán trừ đi khoản dự phòng giảm giá đầu tư đã được trích lập đầy đủ theo quy định. Các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp Nhà nước có trách nhiệm thông báo cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước xem xét mua lại các khoản đã đầu tư vào các lĩnh vực trên.

**14. [Hướng dẫn xử phạt hành vi xây dựng sai phép](#)**

Ngày 12/02/2014, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 02/2014/TT-BXD về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

Theo đó, hành vi xây dựng sai phép là xây dựng sai một trong các nội dung của giấy phép xây dựng và các bản vẽ thiết kế được cơ quan cấp giấy phép xây dựng đóng dấu kèm theo giấy phép xây dựng được cấp.

Các hành vi xây dựng sai phép trên sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền tùy theo mức độ vi phạm. Cụ thể, phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ ở nông thôn hoặc công trình xây dựng khác. Phạt tiền từ 3 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ ở đô thị. Phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng đối với xây dựng công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

Ngoài ra, xử phạt đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình sai nội dung giấy phép xây dựng được cấp đối với trường hợp cấp phép xây dựng mới như sau: Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ ở nông thôn hoặc xây dựng công trình khác. Phạt tiền từ 10 triệu đồng - 20 triệu đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ ở đô thị. Phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 50 triệu đồng đối với xây dựng công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/4/2014, thay thế Thông tư số 24/2009/TT-BXD ngày 22/7/2009.

**15. [Phương pháp định giá hàng hóa, dịch vụ](#)**

Ngày 17/02/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 25/2014/TT-BTC về việc quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ.

Theo đó, hàng hóa, dịch vụ được định giá theo phương pháp so sánh hoặc phương pháp chi phí. Căn cứ đặc tính và giá trị sử dụng của từng loại hàng hóa, dịch vụ, các điều kiện cụ thể về sản xuất kinh doanh, về thị trường, lưu

thông hàng hóa, dịch vụ cụ thể, tổ chức, cá nhân lựa chọn phương pháp định giá hàng hóa, dịch vụ phù hợp với hàng hóa, dịch vụ cần định giá.

Phương pháp so sánh là căn cứ vào kết quả phân tích, so sánh giữa mức giá và các đặc điểm kinh tế, kỹ thuật ảnh hưởng lớn đến mức giá của hàng hóa, dịch vụ cần định giá với hàng hóa, dịch vụ tương tự được giao dịch trên thị trường trong nước và có tham khảo giá cả trên thị trường khu vực, thế giới. Đối với phương pháp chi phí là phương pháp định giá hàng hóa, dịch vụ căn cứ vào chi phí sản xuất, kinh doanh thực tế hợp lý, hợp lệ và mức lợi nhuận dự kiến (nếu có) phù hợp với mặt bằng giá thị trường và chính sách của Nhà nước có tác động đến giá hàng hóa, dịch vụ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2014 và thay thế Thông tư số 154/2010/TT-BTC ngày 01/10/2010.

16. **Điều kiện, thủ tục thành lập tổ chức khoa học và công nghệ:** Ngày 27/01/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2014/NĐ-CP về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

Theo đó, tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập khi đủ các điều kiện về điều lệ tổ chức và hoạt động; nhân lực khoa học và công nghệ; cơ sở vật chất-kỹ thuật.

Điều lệ tổ chức và hoạt động phải nêu rõ vốn điều lệ của tổ chức, bao gồm tiền mặt và các tài sản khác quy ra tiền; nguyên tắc tăng giảm vốn hoạt động và các nguyên tắc về tài chính khác.

Về nhân lực khoa học và công nghệ, mỗi tổ chức khoa học và công nghệ phải có ít nhất 5 người có trình độ đại học trở lên, bao gồm làm việc chính thức và kiêm nhiệm, trong đó có ít nhất 30% có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực chủ yếu xin đăng ký hoạt động và ít nhất 40% làm việc chính thức. Đồng thời, người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ phải có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm quản lý, năng lực chuyên môn phù hợp.

Tổ chức khoa học và công nghệ sẽ bị giải thể trong 3 trường hợp sau đây: 1- Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ mà không có quyết định gia hạn; 2- Theo quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; 3- Bị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

Tổ chức khoa học và công nghệ chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2014 và thay thế Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002; Nghị định số 201/2004/NĐ-CP ngày 10/12/2004; các điều 13, 14, 15, 24, 25, 26, 27, 28 và 29 của Nghị định số 80/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010; Điều 8 Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18/9/1999; Điều 12 Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010.

17. **Chế độ đối với cá nhân tham gia bảo vệ an ninh, trật tự:** Ngày 21/01/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 06/2014/NĐ-CP về biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Theo đó, cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia công tác bảo vệ an ninh, trật tự được bảo vệ về danh dự, tài sản và tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm theo quy định của pháp luật. Trường hợp do tham gia công tác bảo vệ an ninh, trật tự mà bị tổn hại về danh dự thì được khôi phục; nếu bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù. Đặc biệt, cá nhân bị chết do trực tiếp tham gia công tác bảo vệ an ninh, trật tự thì được xem xét công nhận là liệt sĩ; trường hợp bị thương làm suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên thì được xem xét để hưởng chính sách như thương binh theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

Bên cạnh đó, việc vận động quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự phải tuân thủ các quy định của pháp luật; kết hợp chặt chẽ giữa biện pháp vận động quần chúng với các biện pháp công tác khác để bảo vệ an ninh, trật tự. Đặc biệt, nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/03/2014.

18. **Hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư triển khai dự án đầu tư:** Ngày 14/01/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư.

Theo đó, các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hỗ trợ cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình chuẩn bị và triển khai dự án đầu tư. Nội dung hỗ trợ bao gồm: Cung cấp các thông tin về tình hình kinh tế-xã hội; tình hình đầu tư; quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, ngành và vùng lãnh thổ; pháp luật, cơ chế, chính sách; tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư khi có yêu cầu của doanh nghiệp và nhà đầu tư; hướng dẫn thủ tục đầu tư; hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai dự án đầu tư.

Trong trường hợp cần thiết, đối với các dự án đầu tư quy mô lớn, có nội dung phức tạp, các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải phối hợp thành lập tổ công tác để hỗ trợ trong quá trình: xúc tiến đầu tư (nghiên cứu, thành lập hồ sơ, triển khai các thủ tục), cấp Giấy chứng nhận đầu tư, hỗ trợ triển khai dự án đầu tư.

Khuyến khích việc hợp tác trong nước và nước ngoài nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng trong hoạt động xúc tiến đầu tư, gồm: Hợp tác và phối hợp giữa các hoạt động xúc tiến đầu tư với xúc tiến thương mại và xúc tiến du



lịch; hợp tác giữa các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý; hợp tác giữa các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý với các cơ quan, tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp và nhà đầu tư; hợp tác quốc tế về xúc tiến đầu tư.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2014.

19. **Hướng dẫn kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng:** Ngày 17/01/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 11/2014/TT-BTC về việc hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

Theo đó, doanh nghiệp được quyền quyết định số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng thực tế kinh doanh nhưng không được phép vượt quá số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng tối đa quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

Căn cứ số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng thực tế, doanh nghiệp tổ chức kinh doanh, doanh nghiệp được lựa chọn chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng và tỷ lệ máy trò chơi điện tử có thưởng theo quy định.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp được quyền thay đổi số lượng, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng và tỷ lệ máy trò chơi điện tử có thưởng nhưng phải đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về số lượng, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng và tỷ lệ máy trò chơi điện tử có thưởng theo quy định.

Về lệ phí cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Thông tư nêu rõ: Lệ phí xin cấp, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định là 150 triệu đồng.

Lệ phí xin cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định là 20 triệu đồng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2014.

20. **Hướng dẫn đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp:** Ngày 31/12/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 220/2013/TT-BTC về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Theo đó, mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng áp dụng tối thiểu cho 03 năm kể từ ngày được chủ sở hữu phê duyệt và phải đảm bảo gắn với kế hoạch nguồn vốn để bổ sung đủ mức vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển được trích lợi nhuận sau thuế hằng năm hoặc các nguồn hợp pháp khác theo quy định. Sau 03 năm, nếu doanh nghiệp vẫn chưa đủ nguồn để bổ sung đủ vốn điều lệ đã được phê duyệt thì chủ sở hữu căn cứ vào tình hình của doanh nghiệp điều chỉnh lại mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển theo kế hoạch đã giao cho doanh nghiệp hoặc thực hiện cấp bổ sung vốn điều lệ còn thiếu cho doanh nghiệp (trường hợp cần thiết).

Về hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, doanh nghiệp không được sử dụng tài sản do doanh nghiệp đang đi thuê hoạt động, đi mượn, nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận bán đại lý, ký gửi để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

Việc chuyển nhượng các khoản vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp phải theo nguyên tắc giá thị trường tại thời điểm bán. Trường hợp giá chuyển nhượng dự kiến sẽ thu được sát với giá thị trường, nhưng vẫn thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp, nếu doanh nghiệp đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định và khoản trích lập dự phòng bằng hoặc lớn hơn chênh lệch giữa giá bán dự kiến thu được so với giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định chuyển nhượng để thu hồi vốn đầu tư ra ngoài.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2014 và áp dụng cho năm tài chính từ năm 2013 trở đi.

21. **Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối thuốc:** Ngày 24/12/2013, Bộ Công thương đã ban hành Thông tư số 34/2013/TT-BCT về việc công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Theo đó, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối thuốc, cụ thể là chất hoặc hỗn hợp các chất dùng cho người nhằm mục đích phòng bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán bệnh hoặc điều chỉnh chức năng sinh lý cơ thể bao gồm thuốc thành phẩm, nguyên liệu làm thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, trừ thực phẩm chức năng.

Ngoài ra, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng không được phép phân phối các mặt hàng khác như lúa gạo; đường mía và đường củ cải; kim cương và đá quý; sách báo cho trẻ em, báo, tạp chí chuyên ngành và định kỳ có nội dung quảng cáo...

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện xuất khẩu các mặt hàng dầu mỏ và các loại dầu thu được từ khoáng bitum ở dạng thô như dầu mỏ thô và Condensate.

Các mặt hàng mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền nhập khẩu bao gồm: một số sản phẩm xi gà, thuốc lá; xăng RON 97, RON 90, xăng máy bay trừ loại sử dụng làm nguyên liệu máy bay phản lực, Tetrapropylene, dung môi trắng, nhiên liệu diesel...

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/02/2014, thay thế Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007.

**PHẦN III. TỶ GIÁ THAM KHẢO TRONG HẠCH TOÁN KẾ TOÁN**

**1. Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD từ tháng 01/2014 đến tháng 06/2014**

<i>Tháng 01/2014</i>			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
01/01	21.036	11/01	21.036
25/01	21.036	31/01	21.036

<i>Tháng 02/2014</i>			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
01/02	21.036	11/02	21.036
25/02	21.036	28/02	21.036

<i>Tháng 03/2014</i>			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
01/03	21.036	11/03	21.036
25/03	21.036	31/03	21.036

<i>Tháng 04/2014</i>			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
01/04	21.036	11/04	21.036
25/04	21.036	29/04	21.036

<i>Tháng 05/2014</i>			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
02/05	21.036	15/05	21.036
27/05	21.036	31/05	21.036

<i>Tháng 06/2014</i>			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
02/06	21.036	09/06	21.036
18/06	21.036	19/06	21.246
24/06	21.246	30/06	21.246

**2. Tỷ giá tính chéo giữa Đồng VN với một số ngoại tệ tại ngày 30/06/2014**

STT	Ngoại tệ	Tên ngoại tệ	Tỷ giá
1	EUR	Đồng Euro	28.947,68
2	JPY	Yên Nhật	208,54
3	GBP	Bảng Anh	36.224,43
4	CHF	Phơ răng Thụy Sĩ	23.794,38
5	AUD	Đô la Úc	19.975,49
6	CAD	Đô la Canada	19.644,94
7	SEK	Curon Thụy Điển	3.176,54
8	NOK	Curon Nauy	3.473,90
9	DKK	Curon Đan Mạch	3.882,39
10	RUB	Rúp Nga	617,03
11	NZD	Đô la Newzealand	18.509,52
12	HKD	Đô la Hồng Kông	2.741,21
13	SGD	Đô la Singapore	17.004,96
14	MYR	Ringít Malaysia	6.596,09
15	THB	Bath Thái	654,93
16	IDR	Rupiah Indônêsia	1,78
17	INR	Rupee Ấn độ	352,51
18	TWD	Đô la Đài Loan	708,25
19	CNY	Nhân dân tệ TQuốc	3.411,70
20	KHR	Riêl Cămpuchia	5,26
21	LAK	Kíp Lào	2,65
22	MOP	Pataca Macao	2.663,31
23	TRY	Thổ Nhĩ Kỳ	9.918,77
24	KRW	Won Hàn Quốc	20,82